# **Phụ lục I**

## **KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM CỦA CÁC BỘ, CƠ QUAN NGANG BỘ,**

## **CƠ QUAN THUỘC CHÍNH PHỦ**

*(kèm theo Báo cáo số /BC-BTTTT ngày tháng năm 2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông)*

Kết quả được tổng hợp từ Báo cáo tình hình thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số theo Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của các bộ, ngành năm 2022, cụ thể như sau:

| **TT** | **Nhiệm vụ, giải pháp** | **Chủ trì** | **Thời gian** | **KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM 2022** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **A** | **PHÁT TRIỂN NỀN MÓNG CHO KINH TẾ SỐ VÀ XÃ HỘI SỐ** | | |  |
| **I** | **Hoàn thiện thể chế** | | |  |
| 1 | Xây dựng, trình ban hành và tổ chức thực thi Luật Giao dịch điện tử theo hướng bổ sung quy định về các dịch vụ tin cậy trong giao dịch điện tử, hoạt động của nền tảng số, dữ liệu số, dịch vụ số trực tuyến, dịch vụ chia sẻ dữ liệu | Bộ Thông tin và Truyền thông | 2022 - 2025 | Đã xây dựng và trình Quốc hội dự án Luật Giao dịch điện tử sửa đổi tại Tờ trình số 267/TTr-CP ngày 09/8/2022 theo hướng bổ sung quy định về các dịch vụ tin cậy trong giao dịch điện tử, hoạt động của nền tảng số, dữ liệu số; công nhận đầy đủ tính pháp lý của hồ sơ, dữ liệu, chứng từ điện tử và giao dịch điện tử; tạo hành lang pháp lý rõ ràng cho các nền tảng trung gian trong giao dịch điện tử. |
| 2 | Nghiên cứu, hoàn thiện thể chế, xây dựng nghị định quy định quản lý và phát triển kinh tế số nền tảng, hoạt động của các nền tảng số, dịch vụ số và giao dịch trực tuyến. Từng bước hoàn thiện hành lang pháp lý cho kinh tế số và xã hội số | Bộ Thông tin và Truyền thông | 2023 - 2025 | Kế hoạch thực hiện thuộc giai đoạn 2023-2025. |
| 3 | Rà soát, xây dựng, sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật chuyên ngành cho phù hợp với sự phát triển kinh tế số, xã hội số; rà soát, chỉnh sửa, bổ sung cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật trong từng ngành, lĩnh vực để cụ thể hóa việc thúc đẩy giao dịch điện tử trong mọi mặt kinh tế - xã hội; xây dựng các chính sách để bảo đảm tỷ lệ hoạt động trực tuyến chiếm tối thiểu 50% tổng số hoạt động trong mỗi cơ quan, tổ chức, ngành, lĩnh vực | Các bộ, ngành, địa phương | 2022 - 2025 | Các bộ, ngành, địa phương thực hiện rà soát, sửa đổi, bổ sung một số cơ chế chính sách, pháp luật trong từng ngành, lĩnh vực phù hợp với yêu cầu của phát triển kinh tế số, xã hội số.  - Điển hình, thống kê được 4/10 bộ, cơ quan ngang bộ và 25/45 địa phương gửi Báo cáo tình hình thực hiện Chiến lược trong năm 2022 về Bộ TTTT có ban hành Kế hoạch tổng thể thực hiện Chiến lược đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 căn cứ theo Quyết định 411.  - Ngoài ra, các cơ quan, đơn vị cũng tích cực rà soát, sửa đổi, bổ sung quy định chuyên ngành nhằm tạo thể chế phát triển kinh tế số, xã hội số. Tiêu biểu có thể kể đến như Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) xây dựng, ban hành, trình cấp có thẩm quyền ban hành 01 Luật, 02 Nghị định, 05 Quyết định và các Thông tư hướng dẫn tạo khuôn khổ pháp lý ngày càng đầy đủ, đồng bộ cho việc thực hiện các mục tiêu tài chính toàn diện; Bộ Khoa học và Công nghệ (KHCN) đã tiến hành rà soát, được Chính phủ đồng ý sửa đổi, bổ sung trong giai đoạn 2021-2026 các Luật gồm Luật Khoa học và Công nghệ, Luật Chuyển giao công nghệ, Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật, Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, Luật Năng lượng nguyên tử; trình ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ (Luật số 07/2022/QH15 được Quốc hội thông qua vào ngày 16/6/2022) và thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ (thay thế Nghị định số 103/2006/NĐ-CP và Nghị định số 105/2006/NĐ-CP); v.v… |
| 4 | Xây dựng, ban hành, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật ngành phục vụ phát triển kinh tế số và xã hội số, đặc biệt là tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng dịch vụ số trong từng ngành, lĩnh vực | Các bộ, ngành, địa phương | 2022 - 2025 | Bộ TTTT đã chủ trì/phối hợp với các bộ ngành hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật ngành phục vụ phát triển kinh tế số và xã hội số, đặc biệt là tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng dịch vụ số trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng. Kết quả đã triển khai xây dựng, từng bước hoàn thiện hệ thống TCVN về phục vụ phát triển kinh tế số và xã hội số. Số lượng TCVN do Bộ KH&CN đã công bố đến nay khoảng 140 TCVN; xây dựng, thẩm định, ban hành 12 QCVN phục vụ kinh tế số và xã hội số (trong đó có 08 QCVN về chất lượng dịch vụ số). |
| 5 | Xây dựng, báo cáo Thủ tướng Chính phủ hoặc Chính phủ và tổ chức triển khai khung pháp lý thử nghiệm có kiểm soát (sand box) cho phép phát triển, cung cấp các dịch vụ số chưa được quy định bởi pháp luật, có thể giám sát được bằng công nghệ số, tại một số đô thị thông minh để hình thành một số trung tâm phát triển kinh tế số và xã hội số | Bộ Thông tin và Truyền thông, các địa phương có đô thị thông minh | 2022 - 2025 | Bộ TTTT xây dựng, trình Chính phủ và tổ chức triển khai khung pháp lý thử nghiệm có kiểm soát (sand box) về công nghệ số. Trong đó, đã đưa nội dung về khung pháp lý thử nghiệm có kiểm soát (sand box) về công nghệ số vào dự thảo Đề cương Luật Công nghiệp công nghệ số. Theo đó, Luật sẽ quy định cơ quan đầu mối điều phối, điều kiện tham gia thử nghiệm, hồ sơ, quy trình, gia hạn, đánh giá thử nghiệm và trách nhiệm của các bên liên quan.  Ngày 12/12/2022, Bộ TTTT đã trình Chính phủ hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số. |
| 6 | Rà soát, chỉnh sửa, bổ sung cơ chế, chính sách, văn bản pháp luật để thực hiện chống độc quyền, chống lợi dụng vị thế chiếm lĩnh thị trường trong cạnh tranh, đảm bảo cạnh tranh bình đẳng, lành mạnh; tăng cường quy định để tránh các doanh nghiệp chi phối lạm dụng; tổ chức thực thi pháp luật bảo đảm nguyên tắc thực thi công bằng, trách nhiệm như nhau trước pháp luật đối với cả doanh nghiệp Việt Nam và doanh nghiệp cung cấp dịch vụ xuyên biên giới vào Việt Nam | Bộ Công Thương Các bộ, ngành | 2022 - 2025 | Báo cáo số 1430/TMĐT-CPS ngày 10/12/2022 chưa có nội dung này. |
| 7 | Rà soát, chỉnh sửa, bổ sung cơ chế, chính sách, văn bản pháp luật về mua bán, sáp nhập doanh nghiệp để tránh gây tổn hại cho phát triển kinh tế số, làm ảnh hưởng tới cạnh tranh lành mạnh trên thị trường kinh tế số, kinh tế nền tảng và cung cấp dịch vụ trực tuyến cũng như bảo vệ dữ liệu của Việt Nam | Bộ Công Thương | 2022 - 2025 | Báo cáo số 1430/TMĐT-CPS ngày 10/12/2022 chưa có nội dung này. |
| 8 | Rà soát, chỉnh sửa, bổ sung cơ chế, chính sách, văn bản pháp luật đế chống các hình thức chuyển giá, chuyển thuế, đảm bảo thu đúng, thu đủ thuế các nền tảng số, dịch vụ số, dịch vụ trực tuyến nước ngoài, xuyên biên giới | Bộ Tài chính | 2022 - 2024 | Ngày 01/10/2022, Thủ tướng Chính phủ đã có Công điện số 889/CĐ-TTg Về nâng cao hiệu quả công tác quản lý thu thuế đối với hoạt động thương mại điện tử, kinh doanh trên nền tảng số. |
| **II** | **Phát triển hạ tầng** | | |  |
| 1 | Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và tổ chức triển khai Chiến lược phát triển hạ tầng số | Bộ Thông tin và Truyền thông | 2022 - 2025 | Bộ Thông tin và Truyền thông đã có Tờ trình xin ý kiến Thủ tướng Chính phủ số 123/TTr-BTTTT ngày 31/12/2021. Trên cơ sở ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam tại văn bản số 734/VPCP-KSTT ngày 28/1/2022, Bộ TTTT đã tổ chức trao đổi, làm việc với các bộ, ngành có liên quan, các doanh nghiệp viễn thông đồng thời tham khảo kinh nghiệm quốc tế để tiếp tục hoàn thiện dự thảo Chiến lược trong đó tập trung làm rõ về sự cần thiết, sự đồng bộ, thống nhất của Dự thảo Chiến lược Hạ tầng số đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030 với các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã được phê duyệt. Bộ TTTT hoàn thiện dự thảo và trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt dự thảo Chiến lược trong tháng 12/2022 theo đúng tiến độ được giao tại Quyết định 411/QĐ-TTg. |
| 2 | Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và tổ chức triển khai Chiến lược phát triển hạ tầng bưu chính | Bộ Thông tin và Truyền thông | 2022 - 2025 | Đã ban hành Quyết định 654/QĐ-TTg ngày 30/5/2022 phê duyệt Chiến lược phát triển bưu chính đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030 do Thủ tướng Chính phủ ban hành |
| 3 | Xây dựng, trình phê duyệt và tổ chức triển khai chiến lược, kế hoạch chuyển đổi số, lộ trình số hóa và thông minh hóa lĩnh vực hạ tầng giao thông | Bộ Giao thông vận tải | 2022 - 2025 | Bộ Giao thông vận tải đạt được một số kết quả nhất định về chuyển đổi số, số hóa và thông minh hóa lĩnh vực hạ tầng giao thông vận tải. Cụ thể là:  1. Xây dựng, hoàn thiện thể chế  Trong năm 2022, Bộ GTVT ban hành ban hành 06 Quyết định1, 01 Thông tư, 104 văn bản triển khai công tác Chính phủ điện tử, chuyển đổi số, kịp thời ban hành văn bản chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn các đơn vị tập trung thực hiện các nhiệm vụ, tăng cường hiệu quả quản lý, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số sử dụng ngân sách nhà nước.  2. Tổ chức bộ máy  Bộ GTVT đã kiện toàn và đổi tên Ban Chỉ đạo xây dựng Chính phủ điện tử Bộ GTVT thành Ban Chỉ đạo chuyển đổi số ngành Giao thông vận tải tại Quyết định số 1930/QĐ-BGTVT ngày 10/11/2021.  3. Phát triển hạ tầng số  Trong năm 2022 Bộ đã nâng cấp, mở rộng hệ thống hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin tập trung của Bộ và các đơn vị thuộc Bộ, hướng tới vận hành theo mô hình điện toán đám mây, đảm bảo vận hành thông suốt 24/7 đối với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của Bộ; đồng thời đã hoàn thành xây dựng hệ thống mạng diện rộng, mạng truyền số liệu chuyên dùng của Bộ kết nối với mạng truyền số liệu chuyên dùng của Chính phủ; hoàn thành chuyển đổi IPv4 sang IPv6 với các hệ thống thông tin quan trọng của Bộ.  4. Phát triển nền tảng số  - Xây dựng, đưa vào sử dụng Hệ thống thông tin một cửa điện tử Bộ GTVT, cung cấp 325 thủ tục hành chính tại 07 bộ phận một cửa (Cơ quan Bộ, các Cục: Đường bộ Việt Nam, Đường thủy nội địa Việt Nam, Đường sắt Việt Nam, Hàng hải Việt Nam, Hàng không Việt Nam, Đăng kiểm Việt Nam), 100% hồ sơ được xử lý trực tuyến thông qua bộ phận một cửa. Trong năm 2022, các cơ quan, đơn vị đã tiếp nhận và xử lý 33.570 hồ sơ.  - Duy trì Cổng Dịch vụ công GTVT cung cấp 291 dịch vụ công trực tuyến (trong đó có 266 dịch vụ mức độ 4, 25 dịch vụ mức độ 3). Hoàn thành chỉ tiêu cung cấp 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 đủ điều kiện và kết nối Cổng dịch vụ công Bộ GTVT với Cổng dịch vụ công quốc gia.  - Bộ GTVT đã hoàn thành kết nối hơn 35 triệu giấy phép lái xe và hơn 4,6 triệu dữ liệu đăng kiểm phương tiện ô tô với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư từ tháng 7/2022; triển khai mở rộng dịch vụ công mức độ 4 “đổi giấy phép lái xe do ngành giao thông vận tải cấp” trên phạm vi toàn quốc từ ngày 14/11/2022.  5. Phát triển dữ liệu số  Bộ GTVT tiếp tục chỉ đạo các đơn vị hoàn thiện 4 bộ CSDL nền tảng dùng chung, gồm: CSDL kết cấu hạ tầng giao thông, CSDL phương tiện, CSDL người điều khiển phương tiện và CSDL doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực GTVT; trong đó, Bộ GTVT hoàn thành CSDL tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, CSDL thuyền viên và CSDL tàu biển, làm cơ sở để phát triển các ứng dụng khai thác nhằm mục tiêu quản lý, điều hành dựa trên dữ liệu số.  6. Thanh toán số  Bộ GTVT đã triển khai thanh toán trực tuyến với tất cả thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, trong đó, số thủ tục hành chính có phát sinh giao dịch trực truyến trong năm 2022 đạt 66/148 thủ tục hành chính. |
| 4 | Xây dựng, trình phê duyệt và tổ chức triển khai chiến lược, kế hoạch chuyển đổi số, lộ trình số hóa và thông minh hóa lĩnh vực hạ tầng cung cấp điện | Bộ Công Thương | 2022 - 2025 | Báo cáo số 1430/TMĐT-CPS ngày 10/12/2022 chưa có nội dung này. |
| 5 | Xây dựng, trình phê duyệt và tổ chức triển khai chiến lược, kế hoạch chuyển đổi số, lộ trình số hóa và thông minh hóa lĩnh vực hạ tầng thủy lợi và ứng phó với biến đổi khí hậu | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | 2022 - 2025 | Đã ban hành quyết định số 206/ QĐ-TL-VP ngày 13/04/2023 Về việc Ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2023 của Cục Thủy lợi. |
| 6 | Xây dựng, trình phê duyệt và tổ chức triển khai chiến lược, kế hoạch chuyển đổi số, lộ trình số hóa và thông minh hóa lĩnh vực hạ tầng đô thị | Bộ Xây dựng | 2022 - 2025 |  |
| 7 | Xây dựng, trình phê duyệt và tổ chức triển khai chiến lược, kế hoạch chuyển đổi số, lộ trình số hóa và thông minh hóa lĩnh vực hạ tầng khu công nghiệp, khu kinh tế | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | 2022 - 2025 | Thông qua các hoạt động tập huấn, trao đổi chuyên môn, nghiệp vụ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Vụ Quản lý các khu kinh tế) đã phổ biến đến các Ban Quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế trên cả nước; các doanh nghiệp đầu tư phát triển hạ tầng khu công nghiệp nâng cao nhận thức và đổi mới tư duy về chuyển đổi số, xây dựng văn hoá số trong quy hoạch, phát triển, quản lý, vận hành khu công nghiệp, khu kinh tế.  Hiện nay, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Vụ Quản lý các khu kinh tế) đang triển khai xây dựng hệ thống thông tin quốc gia về khu công nghiệp, khu kinh tế. Các thông tin, cơ sở dữ liệu của hệ thống thông tin quốc gia về khu công nghiệp, khu kinh tế là thông tin, cơ sở dữ liệu được số hóa, kết nối với hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư. Sau khi hoàn thiện, hệ thống thông tin về khu công nghiệp, khu kinh tế sẽ đáp ứng các yêu cầu của công tác thống kê, báo cáo phục vụ quản lý, điều hành; theo dõi, kiểm tra, giám sát; phân tích, dự báo; xúc tiến và kết nối đầu tư hiệu quả, đồng thời, kịp thời xử lý các khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp, nhà đầu tư trong quá trình thực hiện dự án. |
| 8 | Xây dựng, trình phê duyệt và tổ chức triển khai chiến lược, kế hoạch chuyển đổi số, lộ trình số hóa và thông minh hóa lĩnh vực hạ tầng thương mại, công nghiệp và năng lượng | Bộ Công Thương | 2022 - 2025 | Báo cáo số 1430/TMĐT-CPS ngày 10/12/2022 chưa có nội dung này. |
| 9 | Xây dựng, trình phê duyệt và tổ chức triển khai chiến lược, kế hoạch chuyển đổi số, lộ trình số hóa và thông minh hóa lĩnh vực hạ tầng giáo dục và đào tạo | Bộ Giáo dục và Đào tạo | 2022 - 2025 | Bộ GDĐT đã ban hành kế hoạch Kế hoạch tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong GDĐT giai đoạn 2022-2025 kèm theo Quyết định số 1282/QĐ-BGDĐT ngày 10/05/2022, trong đó phân công chi tiết triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 411/QĐ-TTg. |
| 10 | Xây dựng, trình phê duyệt và tổ chức triển khai chiến lược, kế hoạch chuyển đổi số, lộ trình số hóa và thông minh hóa lĩnh vực hạ tầng khoa học và công nghệ | Bộ Khoa học và Công nghệ | 2022 - 2025 | Đã tổ chức nghiên cứu và xây dựng dự thảo Đề án Chuyển đổi số ngành Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng đến năm 2025 định hướng đến năm 2030. |
| 11 | Xây dựng, trình phê duyệt và tổ chức triển khai chiến lược, kế hoạch chuyển đổi số, lộ trình số hóa và thông minh hóa lĩnh vực hạ tầng y tế | Bộ Y tế | 2022 - 2025 | Báo cáo số 7506/BYT-CNTT ngày 28/12/2022 chưa có nội dung này. |
| 12 | Xây dựng, trình phê duyệt và tổ chức triển khai chiến lược, kế hoạch chuyển đổi số, lộ trình số hóa và thông minh hóa lĩnh vực hạ tầng văn hóa, thể thao, du lịch | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | 2022 - 2025 | Đang triển khai, đã ban hành và tổ chức thực hiện:  - Quyết định số 405/QĐ-BVHTTDL ngày 24/2/2023 về việc Ban hành Kế hoạch chuyển đổi số của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch năm 2023;  - Quyết định số 1294/QĐ-BVHTTDL ngày 22/5/2023 về việc ban hành Kế hoạch khảo sát Cơ sở dữ liệu ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch năm 2023;  - Quyết định số 1070/QĐ-BVHTTDL ngày 21/04/2023 về việc ban hành Kế hoạch xây dựng, chuẩn hóa, nhập liệu, tạo lập thông tin và cập nhật cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. |
| 13 | Tổ chức triển khai Kế hoạch hành động nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển dịch vụ logistics Việt Nam | Bộ Công Thương | 2022 - 2025 | Báo cáo số 1430/TMĐT-CPS ngày 10/12/2022 chưa có nội dung này. |
| 14 | Đẩy mạnh phát triển hạ tầng kết nối số cho người dân; phủ mạng cáp quang, mạng di động băng rộng đến tất cả các thôn, bản, khu vực dân sinh; tăng nhanh tỷ lệ người dùng Internet, đặc biệt ở khu vực nông thôn; nâng cao dung lượng kết nối và chất lượng dịch vụ mạng. Phát triển nền tảng địa chỉ số, bản đồ số tạo hạ tầng mềm cho phát triển kinh tế số và xã hội số | Bộ Thông tin và Truyền thông; các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương | 2022 - 2025 | \* Phát triển hạ tầng kết nối số:  - Mạng băng rộng di động 4G đã được phủ đến 99,73% thôn, bản trên toàn quốc, tỷ lệ dân số phủ sóng 4G đạt 99,7% dân số; tại các khu vực này người dân có thể truy cập các dịch vụ băng rộng di động với chất lượng đảm bảo. Còn lại 0,27% thôn bản chưa có sóng chủ yếu là các thôn chưa có điện, thôn có dân cư thưa hoặc địa hình núi cao không có đường giao thông đi lại. Bộ TTTT đã có văn bản gửi các địa phương trong đó đề nghị địa phương hỗ trợ, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp viễn thông tiếp tục triển khai hạ tầng để phủ sóng băng rộng di động và tiếp tục rà soát, cung cấp danh sách bổ sung các thôn/bản còn chưa có sóng gửi Bộ TTTT để tổng hợp và phối hợp với các DNVT tiếp tục lên kế hoạch triển khai phủ sóng.  - Băng rộng cố định đã hiện diện tại tất cả các đơn vị hành chính cấp xã. Đối với đơn vị hành chính cấp thôn/bản, theo báo cáo của các địa phương hiện còn 6786 thôn chưa có băng rộng cố định. Trong thời gian tới, các doanh nghiệp viễn thông sẽ rà soát, triển khai phủ cáp quang đến thôn theo chương trình viễn thông công ích đến năm 2025.  - Ngày 28/10/2022, Bộ TTTT đã ban hành Thông tư số 14/2022/TT-BTTTT quy định danh mục, chất lượng dịch vụ viễn thông công ích và hướng dẫn thực hiện chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025. Căn cứ các nội dung hướng dẫn và nhiệm vụ được giao tại Thông tư, các đơn vị thuộc Bộ TTTT và các doanh nghiệp viễn thông đang khẩn trương triển khai chương trình viễn thông công ích đến năm 2025.  - Định kỳ hàng năm, Cục Viễn thông tổ chức triển khai các đợt kiểm tra việc chấp hành quy định về quản lý chất lượng dịch vụ viễn thông; đo kiểm, đánh giá thực tế chất lượng dịch vụ viễn thông do các doanh nghiệp cung cấp tại các địa bàn khác nhau. Kết quả kiểm tra, đo kiểm là cơ sở để Cục Viễn thông uốn nắn, chấn chỉnh, trao đổi để doanh nghiệp hiểu rõ và từng bước nâng cao hơn về chất lượng dịch vụ viễn thông. Bên cạnh đó, bản thân các doanh nghiệp cũng thường xuyên, chủ động tổ chức tự kiểm tra, tự đo kiểm định kỳ chất lượng dịch vụ do doanh nghiệp cung cấp; rà soát, bổ sung các trạm phủ sóng di động đảm bảo việc kết nối, liên lạc và cập nhật thông tin của người dân.  - Để thúc đẩy tăng nhanh tỉ lệ người dùng Internet, Bộ TTTT đã chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông triển khai các giải pháp để thúc đẩy tỉ lệ người sử dụng Intetnet như: triển khai các chương trình khuyến mại, xây dựng các gói hỗ trợ khách hàng, giảm tỉ lệ Churn Rate, xây dựng cơ sở dữ liệu Black List đối với những thuê bao nợ cước.  \* Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành Quyết định số 392/QĐ-BTTTT ngày 01/3/2022 phê duyệt Kế hoạch phát triển nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số và Quyết định số 1137/QĐ-BTTTT ngày 23/6/2022 phê duyệt Kế hoạch thúc đẩy phát triển và sử dụng nền tảng bản đồ số quốc gia. |
| **III** | **Phát triển nền tảng số** | | |  |
| 1 | Xác định danh mục chi tiết và định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung danh mục các nền tảng số quốc gia ưu tiên phát triển; xây dựng và triển khai Chương trình thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia | Bộ Thông tin và Truyền thông | 2022 - 2030 | Ngày 11/02/2022, Bộ TTTT ban hành Quyết định số 186/QĐ-BTTTT phê duyệt Chương trình thúc đẩy phát triển và sử dụng 35 nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số. |
| 2 | Xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch hành động cụ thể để phát triển từng nền tảng số quốc gia; tổ chức tập huấn, hướng dẫn sử dụng và tuyên truyền, phổ biến rộng rãi các nền tảng số quốc gia | Cơ quan chủ quản nền tảng số quốc gia; Bộ TT&TT; các doanh nghiệp | 2022 - 2030 | Bộ TTTT, Cơ quan chủ quản nền tảng số quốc gia và các doanh nghiệp xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch hành động cụ thể để phát triển nền tảng số quốc gia, kết quả ghi nhận được bao gồm:  - Bộ TTTT ban hành Quyết định số 1044/QĐ-BTTTT ngày 07/6/2022 phân công đầu mối thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số thuộc Chiến lược; Quyết định số 1360/QĐ-BTTTT ngày 08/7/2022 phê duyệt Kế hoạch hành động thúc đẩy phát triển nền tảng phát thanh số Quốc gia; Quyết định số 1361/QĐ-BTTTT ngày 08/7/2022 phê duyệt Kế hoạch hành động thúc đẩy phát triển nền tảng truyền hình số quốc gia.  - Đài Tiếng nói Việt Nam ban hành Kế hoạch Xây dựng và phát triển nền tảng phát thanh số quốc gia tại Quyết định số 1412/QĐ-TNVN ngày 10/6/2022.  - Đài Truyền hình Việt Nam ban hành Kế hoạch thúc đẩy phát triển và sử dụng nền tảng truyền hình số trực tuyến quốc gia tại Kế hoạch số 09/KH-THVN ngày 21/6/2022. |
| 3 | Xây dựng, ban hành tiêu chí đánh giá, công nhận nền tảng số quốc gia và tổ chức đánh giá, công bố nền tảng số quốc gia được công nhận đáp ứng yêu cầu | Bộ Thông tin và Truyền thông | 2022 - 2030 |  |
| 4 | Tổ chức khảo sát, thu thập thông tin, dữ liệu và xây dựng, vận hành Cổng thông tin nền tảng số để cung cấp thông tin, thúc đẩy phát triển, hỗ trợ sử dụng các nền tảng số Việt Nam | Bộ Thông tin và Truyền thông | 2022 - 2030 |  |
| 5 | Đề xuất các nền tảng số quốc gia phù hợp nhu cầu; tích cực phối hợp phát triển và đưa các nền số quốc gia vào sử dụng. Xác định các nền tảng số của ngành, lĩnh vực, địa phương và xây dựng kế hoạch hành động cụ thể để phát triển và thúc đẩy sử dụng các nền tảng số | Các bộ, ngành, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương | 2022 - 2030 |  |
| 6 | Nghiên cứu, xây dựng các cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển cũng như xác định rõ địa vị pháp lý của các nền tảng số quốc gia trong ngành, lĩnh vực địa bàn được giao quản lý | Các bộ, ngành, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương | 2022 - 2030 |  |
| **IV** | **Phát triển dữ liệu số** | | |  |
| 1 | Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và tổ chức triển khai Chiến lược dữ liệu quốc gia | Bộ TT&TT | 2022 - 2023 |  |
| 2 | Rà soát, sửa đổi, ban hành mới quy định, chính sách về tài sản dữ liệu, mua, bán dữ liệu, dịch vụ dữ liệu để tạo thị trường dữ liệu phát triển lành mạnh, an toàn, tuân thủ pháp luật | Bộ TT&TT; Bộ Tài chính | 2022 - 2025 | Báo cáo 13911/BTC-THTK ngày 29/12/2022 chưa có thông tin về nhiệm vụ này.  Bộ Thông tin và Truyền thông đang nghiên cứu triển khai, thực hiện. |
| 3 | Rà soát, sửa đổi quy định, chính sách về tài chính, phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp, kết nối chia sẻ dữ liệu giữa cơ quan nhà nước với tổ chức, doanh nghiệp và người dân, tạo nguồn thu hợp pháp để duy trì, phát triển dữ liệu | Bộ Tài chính | 2022 - 2025 | Đến tháng 8/2022, Bộ Tài chính đã hoàn thành ban hành 08 Thông tư quy định về phí liên quan đến cơ sở dữ liệu của nhà nước theo quy định tại Luật Phí và lệ phí.  + Phí khai thác và sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (điểm 3 Mục IV Phần A): Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 48/2022/TT-BTC ngày 03/8/2022 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.  + Phí khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn (điểm 7.5 Mục IX Phần A): Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 197/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu khí tượng thuỷ văn.  + Phí khai thác và sử dụng dữ liệu viễn thám quốc gia (điểm 7.6 Mục IX Phần A): Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 187/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng dữ liệu viễn thám quốc gia.  + Phí khai thác và sử dụng dữ liệu về môi trường (điểm 7.7 Mục IX Phần A): Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 22/2020/TT-BTC ngày 10/4/2020 quy định 8 mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng dữ liệu về môi trường.  + Phí khai thác và sử dụng dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo (điểm 7.8 Mục IX Phần A): Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 294/2016/TTBTC ngày 15/11/2016 mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.  + Phí khai thác, sử dụng thông tin dữ liệu đo đạc và bản đồ (điểm 8 Mục IX Phần A): Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 196/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin dữ liệu đo đạc và bản đồ.  + Phí khai thác và sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch (điểm 9.4 Mục XII Phần A): Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch.  + Phí cấp mã số sử dụng cơ sở dữ liệu về giao dịch bảo đảm (điểm 10 Mục XII Phần A): Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 202/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực đăng ký giao dịch bảo đảm. |
| 4 | Xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch hành động phát triển dữ liệu và phát triển nhân lực dữ liệu trong các lĩnh vực trọng điểm. Bảo đảm dữ liệu được tạo lập tuân thủ theo định dạng máy đọc được, sẵn sàng khả năng chia sẻ, khai thác, sử dụng một cách dễ dàng | Các bộ, cơ quan quản lý các lĩnh vực trọng điểm tại điểm d, khoản 4, Mục IV | 2022 - 2030 |  |
| 5 | Xây dựng Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu quốc gia | Bộ TT&TT | 2022 - 2025 | Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành nhiều văn bản nhằm thúc đẩy phát triển và triển khai nền tảng:  - Quyết định số 186/QĐ-BTTTT ngày 11/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt Chương trình thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.  - Công văn số 2224/BTTTT-THH ngày 09/6/2022 về tập trung thúc đẩy sử dụng nền tảng số trên địa bàn trong năm 2022.  Theo dự thảo Kế hoạch hoạt động của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số đề ra, dự kiến trên 30% các bộ, ngành, địa phương sẽ triển khai nền tảng tổng hợp, phân tích, xử lý dữ liệu tập trung trong năm 2023. |
| 6 | Xây dựng Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu tập trung cấp bộ, tỉnh | Các bộ, tỉnh, thành phố | 2022 - 2025 | - Ghi nhận được kết quả NHNN tiếp tục hoàn thiện nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp của Ngân hàng Nhà nước (Hệ thống báo cáo và kho dữ liệu của NHNN) nhằm lưu trữ tập trung, tổng hợp, phân tích, xử lý dữ liệu về phát triển kinh tế - xã hội từ các nguồn khác nhau; kết nối liên thông, mở chia sẻ dữ liệu, từ đó tạo ra thông tin mới, dịch vụ dữ liệu mới phục vụ Chính phủ số; Ngoài ra, NHNN đã thực hiện kết nối, khai thác chính thức CSDL Đăng ký doanh nghiệp, CSDL danh mục dung chung, đang hoàn tất thủ tục khai thác chính thức CSDL QG về dân cư. Đồng thời, phối hợp với Bộ TTTT tạo dịch vụ chia sẻ dữ liệu mở của NHNN qua nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu quốc gia. Hiện tại, Kiểm toán Nhà nước đang khai thác các dịch vụ này. |
| **V** | **Đảm bảo an toàn thông tin và an ninh mạng** | | |  |
| 1 | Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và tổ chức triển khai Chiến lược an toàn an ninh mạng quốc gia | Bộ Thông tin và Truyền thông | 2022 - 2023 | Bộ TTTT tham mưu, trình Thủ tướng chính phủ ban hành Quyết định 964/QĐ-TTg ngày 10/8/2022, phê duyệt Chiến lược an toàn, an ninh mạng quốc gia, chủ động an toàn, an ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thử thách từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030. |
| 2 | Đảm bảo yêu cầu An toàn thông tin mạng mặc định ngay từ khâu thiết kế, xây dựng khi phát triển các hạ tầng số, nền tảng số | Bộ TT&TT; các bộ, ngành, địa phương | 2022 - 2030 | \* Bộ TTTT đã ban hành văn bản số 166/CATTT-ATHTTT ngày 10/2/2022 về việc Ban hành hướng dẫn "Khung phát triển phần mềm an toàn" (phiên bản 1.0), qua đó khuyến nghị các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp phát mềm có thể phát hiện lỗ hổng, điểm yếu bảo mật và kịp thời khắc phục trong quá trình phát triển phần mềm; văn bản số 797/BTTTT-THH ngày 06/3/2022 về việc Hướng dẫn một số nhiệm vụ quan trọng thúc đẩy triển khai chuyển đổi số năm 2022 và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 26/4/2022 về phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia, trong đó đề nghị các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ‘Tổ chức triển khai đầy đủ bốn giải pháp bảo đảm an toàn thông tin mạng, cụ thể là phần mềm nội bộ do đơn vị chuyên nghiệp phát triển, tuân thủ phát triển theo quy trình Khung phát triển phần mềm an toàn (DevSecOps); hệ thống thông tin triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo cấp độ; hệ thống thông tin được kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin mạng trước khi đưa vào sử dụng, khi nâng cấp, thay đổi, định kỳ theo quy định...’; ban hành Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT ngày 12/8/2022 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ, trong đó tại khoản 6 Điều 9 quy định ‘Hệ thống thông tin khi được đầu tư xây dựng mới hoặc mở rộng, nâng cấp phải triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin đã được phê duyệt tại Hồ sơ đề xuất cấp độ và đáp ứng các yêu cầu an toàn tại Điều 9 và Điều 10 Thông tư này trước khi đưa vào vận hành, khai thác’.  \* Theo đó, các bộ, ngành, địa phương cơ bản nhận thức được yêu cầu đảm bảo an toàn thông tin mặc định từ khâu thiết kế, xây dựng các hạ tầng số, nền tảng số. Một số đơn vị đã ban hành quy định về bảo đảm ATTT phải được triển khai ngay từ khâu thiết kế, xây dựng, phát triển các hệ thống thông tin (bao gồm nền tảng số, hạ tầng số); điển hình là NHNN đã quy định tại Thông tư 09/2020/TT-NHNN ngày 21/10/2020 của Thống đốc NHNN quy định về an toàn hệ thống thông tin trong hoạt động ngân hàng và Quy chế An toàn bảo mật hệ thống thông tin của NHNN. |
| 3 | Phát triển hệ sinh thái sản phẩm An toàn thông tin mạng Việt Nam; đánh giá, công bố các sản phẩm, dịch vụ An toàn thông tin mạng Việt Nam đáp ứng được yêu cầu và ưu tiên sử dụng | Bộ Thông tin và Truyền thông | 2022 - 2025 | \* Phát triển hệ sinh thái sản phẩm an toàn thông tin mạng Việt Nam  - Thúc đẩy Hệ sinh thái sản phẩm an toàn thông tin mạng Việt Nam phục vụ Chính phủ điện tử, đô thị thông minh và hệ thống thông tin quan trọng quốc gia. Đến nay, tỷ lệ các chủng loại sản phẩm thuộc hệ sinh thái sản phẩm an toàn, an ninh mạng đã đạt 95%, đáp ứng yêu cầu bảo đảm an toàn thông tin cho hệ thống thông tin của cơ quan, tổ chức, giải quyết được bài toán phụ thuộc công nghệ, sản phẩm nước ngoài.  - Thúc đẩy doanh nghiệp phối hợp công tác phát triển Hệ sinh thái sản phẩm an toàn thông tin mạng: đề xuất cấp phép sản xuất cho 06 doanh nghiệp; doanh nghiệp phát triển 11 sản phẩm an toàn thông tin mạng mới.  - Thúc đẩy phát triển thị trường an toàn thông tin mạng đạt tăng trưởng doanh thu ~35% so với năm 2021.  - Tổng hợp số liệu thị trường, doanh nghiệp an toàn thông tin mạng: tổng hợp, xây dựng số liệu thống kê đối với các chỉ tiêu phát triển liên quan, cập nhật hệ thống báo cáo hàng tháng.  - Đánh giá các sản phẩm an toàn thông tin mạng phục vụ chuyển đổi số tại doanh nghiệp, tổ chức quy mô nhỏ.  - Xây dựng “Hệ thống nền tảng thực tế ảo giới thiệu, thử nghiệm Hệ sinh thái sản phẩm an toàn thông tin mạng Make in Viet Nam”.  \* Phối hợp với Hiệp hội ATTT mạng Việt nam đánh giá, công bố, vinh danh các sản phẩm, dịch vụ ATTT tiêu biểu, chất lượng cao  - Cục An toàn thông tin đã phối hợp chặt chẽ, tích cực với Hiệp hội ATTT mạng Việt Nam đã đánh giá, lựa chọn và trao danh hiệu Chìa khóa vàng cho 26 sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin tiêu biểu và 12 lượt doanh nghiệp an toàn thông tin xuất sắc của 13 doanh nghiệp an toàn thông tin trong nước.  - Cụ thể, danh hiệu Chìa khóa vàng được trao cho 26 sản phẩm, dịch vụ, giải pháp (thuộc 13 doanh nghiệp, tổ chức). Trong đó có 3 sản phẩm là "Sản phẩm an toàn thông tin chất lượng cao xuất sắc"; 6 sản phẩm được công nhận "Sản phẩm an toàn thông tin triển vọng xuất sắc"; 4 giải pháp được trao "Giải pháp công nghệ thông tin an toàn tiêu biểu cho chuyển đổi số"; 13 dịch vụ là "Dịch vụ an toàn thông tin tiêu biểu". "Chìa khóa vàng" cũng được trao cho 12 lượt doanh nghiệp (8 doanh nghiệp), gồm: 5 doanh nghiệp đạt danh hiệu "Tốp doanh nghiệp Việt Nam về kiểm tra và đánh giá an toàn thông tin mạng"; 4 doanh nghiệp đạt "Tốp doanh nghiệp Việt Nam về giám sát và ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng"; 2 doanh nghiệp đạt "Tốp doanh nghiệp Việt Nam về mật mã, xác thực và chữ ký số"; 1 doanh nghiệp "Tốp doanh nghiệp Việt Nam về chống mã độc và chống tấn công mạng".  \* Đánh giá, công bố các sản phẩm, dịch vụ ATTT mạng Việt Nam đáp ứng yêu cầu và ưu tiên sử dụng  - Đánh giá, xây dựng bộ giải pháp tổng thể bảo đảm an toàn thông tin cho chuyển đổi số phục vụ đối tượng tổ chức, doanh nghiệp quy mô nhỏ;  - Đánh giá cho 3 sản phẩm thuộc nền tảng chuyển đổi số nhằm đưa ra khuyến nghị cho các các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nhà nước trong quá trình sử dụng.  - Hiện nay, chưa có doanh nghiệp nào hoàn thành việc đánh giá các sản phẩm dịch vụ an toàn thông tin mạng theo 11 bộ tiêu chí kỹ thuật do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành. Có 2 doanh nghiệp thực hiện đánh giá đáp ứng yêu cầu an toàn cơ bản đối với phần mềm nội bộ theo Quyết định 742/QĐ-BTTTT ngày 22/04/2022. |
| 4 | Phát triển nền tảng và tổ chức triển khai phổ cập dịch vụ an toàn thông tin mạng cơ bản giúp người dân phòng, tránh và tự bảo vệ mình | Bộ Thông tin và Truyền thông | 2022 - 2025 | Quyết định 1044 chưa giao Cục An toàn thông tin nên báo cáo của Cục ATTT ko có nội dung này. |
| 5 | Phát triển nền tảng và tổ chức triển khai dịch vụ an toàn thông tin mạng chuyên nghiệp giúp tổ chức, doanh nghiệp thực hiện mô hình bảo vệ 04 lớp | Bộ TT&TT; các bộ, ngành, địa phương | 2022 - 2025 | Hiện nay, có một số nền tảng an toàn thông tin mạng được thúc đẩy, trong đó có 3 nền tảng chủ đạo được kể đến như sau:  - Nền tảng Viettel Threat Intelligence là một sản phẩm thuộc hệ sinh thái giám sát ATTT với các chức năng: Thu thập, lưu trữ và xử lý nguy cơ tập trung, phân tích đánh giá mức độ nghiêm trọng của các nguy cơ và đưa ra các cảnh báo; đồng thời hỗ trợ giám sát theo dõi các nguy cơ, cung cấp thông tin về các đối tượng liên quan với nguy cơ, cho phép loang phục vụ điều tra. Hệ thống Viettel Threat Intelligence áp dụng quy trình thu thập, phân tích và cảnh báo nguy cơ theo luồng chuẩn quốc tế.  - Nền tảng quản lý an toàn thông tin VNPT (VNPT MSS) là nền tảng giám sát, quản lý an toàn thông tin hỗ trợ cho doanh nghiệp, tổ chức; kịp thời phát hiện, xử lý, ứng cứu các rủi ro gây mất an toàn thông tin, lộ lọt dữ liệu, trước các cuộc tấn công từ trong và ngoài tổ chức.  - Nền tảng bảo mật cộng đồng WhiteHub giúp nhanh chóng tìm ra các lỗ hổng bảo mật tiềm ẩn trong sản phẩm công nghệ, qua đó tăng tính an toàn và giảm thiểu rủi ro an ninh cho tổ chức. |
| 6 | Xây dựng và tổ chức triển khai hệ sinh thái tín nhiệm mạng | Bộ TT&TT | 2022 - 2023 | - Hệ sinh thái tín nhiệm an toàn thông tin mạng đã được Cục An toàn thông tin triển khai và cung cấp tại địa chỉ https://tinnhiemmang.vn. Tín nhiệm mạng gồm tập hợp các dịch vụ cấp chứng nhận tin cậy về an toàn thông tin cho các đối tượng trên không gian mạng. Tín nhiệm mạng hướng tới xây dựng một hệ sinh thái uy tín, an toàn nhằm tạo niềm tin khi sử dụng dịch vụ trên môi trường mạng.  - Hệ sinh thái tín nhiệm an toàn thông tin mạng hiện nay đã cấp được 3.211 (gồm 2.997 website.vn). Cụ thể, trong năm 2021, hệ sinh thái tín nhiệm an toàn thông tin mạng đã gán tín nhiệm cho 1955 website; năm 2022 gán nhãn tín nhiệm đạt 2.997 (tăng thêm mới 1.042 website).  - Dịch vụ Tín nhiệm mạng nhằm giúp người dùng tìm kiếm thông tin nhanh, chính xác, ngăn chặn các cuộc tấn công lừa đảo, dễ dàng so sánh lựa chọn sản phẩm dịch vụ. Đồng thời hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp tăng mức độ uy tín, trở nên chuyên nghiệp và thân thiện hơn với người tiêu dùng. |
| 7 | Tổ chức triển khai ký số từ xa theo hướng ưu tiên phổ cập việc sử dụng chữ ký số cá nhân cho người dân; triển khai các giải pháp để hỗ trợ, miễn giảm giá sử dụng chữ ký số | Bộ Thông tin và Truyền thông | 2022 - 2023 | \* Ứng dụng và kết nối:  - Xây dựng Website giả lập Cổng Dịch vụ công thực hiện ký số từ xa lên tập tin PDF nhằm mục đích thử nghiệm cũng như kiểm tra quá trình kết nối có đúng theo quy định: Kết nối thành công tới các CA thông qua Hub eSign; Thực hiện thành công chức năng lấy chứng thư số của người dùng và hiển thị; Thực hiện thành công quá trình ký số từ lên tập tin PDF.  - Kết nối thành công tới 05 CA gồm: MisaCA, VNPT-CA, Viettel-CA, BkavCA và FPT-CA.  - Hỗ trợ tích cực về mặt kỹ thuật và công nghệ cho các Dịch vụ công trong quá trình tích hợp.  \* Tích hợp: Tích hợp thành công lên Cổng Dịch vụ công (sau đây gọi tắt là DVC) của 03 địa phương gồm Thái Nguyên, Hồ Chí Minh, Đà Nẵng; Đang tích hợp với Kho bạc Nhà nước, Yên Bái và Đắk Lắk. |
| 8 | Nghiên cứu xây dựng phát triển thị trường bảo hiểm an toàn thông tin mạng nhằm giúp các doanh nghiệp, tổ chức phục hồi tài chính khi xảy ra sự cố an toàn thông tin mạng | Bộ Tài chính | 2022 - 2030 | Báo cáo 13911/BTC-THTK ngày 29/12/2022 chưa có thông tin về nhiệm vụ này. |
| 9 | Hoàn thành Đề án đẩy mạnh ứng dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và chuyển đổi số quốc gia | Bộ Công an | 2022 - 2025 |  |
| 10 | Xây dựng, trình ban hành Nghị định về định danh và xác thực điện tử | Bộ Công an | 2022 - 2025 | Bộ Công an tham mưu Chính phủ ban hành Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05/9/2022 quy định về định danh và xác thực điện tử. |
| 11 | Xây dựng Hệ thống định danh và xác thực điện tử trên nền tảng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu căn cước công dân và cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh làm nền tảng chuyển đổi số quốc gia | Bộ Công an | 2022 - 2025 |  |
| **VI** | **Phát triển nhân lực số** | | |  |
| 1 | Rà soát, sửa đổi quy định, chính sách để khuyến khích tăng tối đa thời lượng và khối lượng đào tạo trực tuyến, bảo đảm tỷ lệ tối thiểu thời lượng và số lượng tín chỉ đào tạo trực tuyến trong tổng thời gian đào tạo | Bộ Giáo dục và Đào tạo | 2022 - 2024 | Bộ GDĐT đã ban hành quy chế đào tạo các trình độ của giáo dục đại học, quy định về liên kết đào tạo với nước ngoài theo hình thức đào tạo trực tuyến và hình thức đào trực tiếp kết hợp trực tuyến theo đó cho phép các cơ sở đào tạo được phép tổ chức đào tạo trực tuyến tối đa 30% thời lượng của chương trình đào tạo (các Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT, 18/2021/TT-BGDĐT, 23/2021/TT-BGDĐT, 38/2020/TT-BGDĐT). Năm 2022, Bộ GDĐT đang rà soát và hoàn thiện quy chế đào tạo từ xa trình độ đại học (dự thảo đã được đăng trên cổng thông tin điện tử của Bộ GDĐT để lấy ý kiến rộng rãi theo quy định từ 17/10/2022); ban hành quy định về mở ngành theo đó có quy định điều kiện khi mở ngành “Cơ sở đào tạo phải đáp ứng các yêu cầu, điều kiện tối thiểu theo quy định hiện hành của Bộ GDĐT để sẵn sàng chuyển sang dạy học trực tuyến” tại Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT; ban hành quy định về xác định chỉ tiêu đào tạo từ xa Thông tư số 03/2022/TT-BGDĐT; xây dựng chuẩn cơ sở giáo dục đại học; xây dựng chuẩn cơ sở giáo dục đại học theo đó có tiêu chuẩn về ứng dụng CNTT trong công tác quản lý, giảng dạy và học tập; xây dựng các chuẩn chương trình đào tạo cho các lĩnh vực và các ngành CNTT... |
| 2 | Xây dựng quy định cho phép chuyển đổi một số văn bản, chứng chỉ công nghệ thông tin cấp bởi tổ chức, doanh nghiệp công nghệ uy tín trong và ngoài nước sang tín chỉ học của bộ môn tương ứng để rút ngắn thời gian đào tạo trong các trường đại học, cao đẳng | Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Lao động Thương binh và Xã hội | 2022 - 2023 |  |
| 3 | Xây dựng, trình phê duyệt và tổ chức triển khai Đề án thí điểm xây dựng Đại học số; xây dựng, ban hành hướng dẫn mô hình thí điểm đại học số, bộ tiêu chí đại học số; lựa chọn một số đại học phù hợp và tổ chức đầu tư xây dựng mô hình thí điểm đại học số; tổ chức đánh giá, công nhận các đại học đạt tiêu chuẩn đại học số | Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Thông tin và Truyền thông | 2022 - 2025 | Bộ GDĐT đang xây dựng Đề án mô hình giáo dục đại học số theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại phiên họp UBQGCĐS lần thứ 3. |
| 4 | Ban hành và hướng dẫn cơ chế đặc biệt thí điểm cho các cơ sở giáo dục đại học đã được công nhận đạt tiêu chí đại học số được áp dụng chỉ tiêu số sinh viên chính quy trên 01 giáo viên quy đổi gấp 03 lần chỉ tiêu áp dụng với các cơ sở đào tạo đại học thông thường và được giảm một nửa chỉ tiêu diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo trên một sinh viên chính quy và các cơ chế đặc thù phù hợp khác | Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Thông tin và Truyền thông | 2022 - 2023 | Bộ GDĐT đã giao Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh chủ trì, phối hợp với Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, Trường Đại học Bách khoa Đà Nẵng, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông (05 cơ sở đào tạo uy tín về lĩnh vực Công nghệ thông tin) xây dựng Đề án “Đào tạo nhân lực Công nghệ số phục vụ chuyển đổi số, phát triển kinh tế số và thúc đẩy xã hội số”. |
| 5 | Xây dựng và tổ chức triển khai Chương trình “Học từ làm việc thực tế” | Bộ GD&ĐT; Bộ LĐ-TB&XH | 2022 - 2030 |  |
| 6 | Xây dựng và tổ chức triển khai Chương trình dạy và học về kỹ năng số và STEM/STEAM trong giáo dục tiểu học và phổ thông | Bộ GD&ĐT; Các tỉnh, thành phố trực thuộc TW | 2022 - 2030 | Bộ GDĐT đã chủ trì, phối hợp với UNICEF xây dựng tài liệu tập huấn giáo viên cấp tiểu học về giáo dục STEM; ban hành Kế hoạch số 526/KH-BGDĐT ngày 17/5/2022 về việc triển khai giáo dục STEM cấp tiểu học (Kế hoạch 526); Đã tổ chức tập huấn cho 15 tỉnh/TP và chỉ đạo triển khai thực hiện tại địa phương; đồng thời ban hành văn bản hướng dẫn triển khai giáo dục STEM cấp tiểu học thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018. |
| 7 | Xây dựng mạng lưới hệ thống thư viện điện tử, các nền tảng tài nguyên giáo dục mở, thí điểm xây dựng và triển khai chương trình sách giáo khoa mở | Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Văn hóa | 2022 - 2025 | Bộ GDĐT đang xây dựng Đề án Xây dựng mô hình nguồn tài nguyên giáo dục mở trong giáo dục đại học trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2021. Hiện nay đang hoàn thiện dự thảo Đề án theo các ý kiến góp ý của các bên liên quan.  Bộ GDĐT đã chủ trì, phối hợp với VTV7, Đài truyền hình Việt Nam xây dựng kho bài giảng điện tử các môn học Tiếng Việt, Toán, Tiếng Anh, Tin học theo Chương trình GDPT 2018. Các bài giảng được phát trực tiếp trên sóng VTV7 và Cổng thông tin điện tử (moet.gov.vn) của Bộ GDĐT, đồng thời giới thiệu và hướng dẫn các sở giáo dục và đào tạo chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục khai thác, sử dụng. |
| 8 | Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng quản lý nội dung học tập quốc gia | Bộ Giáo dục và Đào tạo | 2022 - 2025 |  |
| 9 | Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng quản lý học tập quốc gia | Bộ TT&TT; Bộ GD&ĐT | 2022 - 2025 |  |
| 10 | Mở thêm chuyên ngành đào tạo về chuyển đổi số trong lĩnh vực, ngành, nghề tại các cơ sở đào tạo cao đẳng, đại học; đẩy mạnh đào tạo kỹ sư, cử nhân, cao đẳng các ngành công nghệ số, kinh tế số và xã hội số | Bộ GD&ĐT; Bộ LĐ-TB & XH; các cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng | 2022 - 2030 | Bộ Giáo dục và Đào tạo đang triển khai xây dựng chuẩn chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học khối ngành Máy tính và công nghệ thông tin, khối ngành kỹ thuật – công nghệ theo đó sẽ nghiên cứu đưa những yêu cầu chuẩn đầu ra và nội dung về điện toán đám mây (Cloud Computing), Internet vạn vật (IoT), thực tế ảo/thực tế tăng cường (VR/AR), chuỗi khối (Blockchain), in ba chiều (3D Printing) cũng như chỉ đạo các cơ sở giáo dục đại học rà soát chương trình đào tạo, phát triển một số định hướng/chuyên ngành hoặc bổ sung những nội dung này vào chương trình đào tạo của trường. |
| 11 | Xây dựng và định kỳ hàng năm công bố báo cáo dự báo về tương lai nghề nghiệp trong lĩnh vực công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông, an toàn thông tin mạng tại Việt Nam để có giải pháp đào tạo phù hợp; cập nhật xu thế và giới thiệu về một số ngành, nghề mới yêu cầu các kỹ năng mới | Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Bộ Thông tin và Truyền thông | 2022 - 2030 |  |
| **VII** | **Phát triển kỹ năng số, công dân số, văn hóa số** | | |  |
| 1 | Xây dựng và triển khai Chuẩn kỹ năng số và Khung kỹ năng số quốc gia | Bộ TT&TT | 2022 - 2023 |  |
| 2 | Xây dựng và triển khai Nền tảng học trực tuyến mở (MOOC) về kỹ năng số | Bộ TT&TT | 2022 - 2025 | Bộ TTTT đã xây dựng và đưa vào vận hành Nền tảng học trực tuyến mở đại trà (MOOC) từ tháng 4/2022 tại địa chỉ: <https://onetouch.mic.gov.vn/>. Trong năm 2022 đã tổ chức các khóa bồi dưỡng về chuyển đổi số trực tuyến miễn phí cho cán bộ, công chức, viên chức là đội ngũ nòng cốt về chuyển đổi số của các bộ, ngành, địa phương, bồi dưỡng cho đối tượng Lãnh đạo UBND cấp xã trong toàn quốc. Tổ chức tập huấn, phổ cập kỹ năng số cơ bản cho các thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng của 63 địa phương. |
| 3 | Tổ chức các chương trình đào tạo kỹ năng số cơ bản, kỹ năng số nâng cao, kỹ năng kỹ thuật cho các đối tượng là cán bộ lãnh đạo, cán bộ kỹ thuật, công nghệ thông tin và chuyên trách chuyển đổi số và công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan nhà nước, trong các doanh nghiệp, hộ sản xuất kinh doanh. Đào tạo đạt chuẩn kỹ năng số cho sinh viên, học sinh trong các trường đại học, cao đẳng, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục phổ thông | Bộ TT&TT; các bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương | 2022 - 2030 | Bộ TTTT đã tổ chức bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số cho 4.839 lượt công chức, viên chức là đội ngũ nòng cốt về chuyển đổi số của bộ, ngành, địa phương và 28.989 Lãnh đạo UBND cấp xã trên Nền tảng học trực tuyến mở đại trà của Bộ Thông tin và Truyền thông (Nền tảng One Touch). |
| 4 | Xây dựng chuẩn kỹ năng số cho người sử dụng và nền tảng đánh giá sát hạch kỹ năng số. Hàng năm thực hiện sát hạch, đánh giá, công bố kỹ năng số của học sinh, sinh viên, công chức, viên chức, và người lao động trong các doanh nghiệp, tiến tới toàn dân và có phương án đào tạo, nâng cao kỹ năng số ở cấp quốc gia và từng ngành, lĩnh vực, địa phương | Bộ Thông tin và Truyền thông; các bộ, ngành, địa phương | 2022 - 2025 |  |
| 5 | Triển khai các chương trình thúc đẩy phát triển công dân số rộng khắp; khuyến khích mỗi người dân tuổi thành niên đều có danh tính số, tài khoản số, được trang bị phương tiện số; hỗ trợ triển khai đào tạo, tập huấn về kỹ năng số cho người dân. Khuyến khích người dân sử dụng các thiết bị IoT để quan trắc, giám sát phục vụ đời sống và hoạt động sản xuất, kinh doanh của mình | Bộ Thông tin và Truyền thông; các bộ và các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương | 2022 - 2030 | Sau khi Bộ TTTT ban hành Công văn số 781/BTTTT-QLDN ngày 4/3/2022, đã có 26 địa phương ban hành Kế hoạch hỗ trợ, thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các trường học, cơ sở giáo dục và bệnh viện, cơ sở y tế, bao gồm: Vĩnh Long, Tuyên Quang, Lạng Sơn, Quảng Trị, Quảng Ngãi, Đắc Lắc, Hưng Yên, Đồng Nai, Kiên Giang, Bình Phước, Đồng Tháp, Thừa Thiên-Huế, An Giang, Đắc Nông, Bắc Cạn, Vũng Tàu, Cao Bằng, Hà Nam, Bình Thuận, Hà Giang, Khánh Hòa, Ninh Bình, Thanh Hóa, Lâm Đồng, Tiền Giang, Đà Nẵng. |
| 6 | Triển khai các chương trình đẩy mạnh phát triển văn hóa số sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân. Tuyên tuyền, hướng dẫn và khuyến khích người dân truy cập Internet, đăng ký tài khoản và sử dụng các dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ y tế số, giáo dục số, sử dụng các mạng xã hội, mua bán trực tuyến, thanh toán điện tử và khai thác tiện ích, tài nguyên số trên Internet. Hướng dẫn người dân về các kỹ năng an toàn, bảo mật thông tin cơ bản để có thể tự bảo vệ tài khoản, dữ liệu của mình trên không gian số | Bộ Thông tin và Truyền thông; các bộ và các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương | 2022 - 2030 |  |
| 7 | Phát triển nền tảng truyền hình số (trực tuyến) | Đài Truyền hình Việt Nam | 2022 - 2025 | Bộ TTTT làm đầu mối, phối hợp với Đài Truyền hình Việt Nam thực hiện buổi làm việc và khảo sát thực tế tại một số Đài Phát thanh và Truyền hình như: Đài PTTH Vĩnh Phúc; tham gia trao đổi về Kế hoạch phát triển nền tảng phát thanh số và nền tảng truyền hình số Quốc gia trong một số Hội nghị tổng kết thi đua khen thưởng của các cụm thi đua các Đài PTTH (cụm 1, cụm 2).  Cục PTTH&TTĐT làm đầu mối, phối hợp với Đài Truyền hình Việt Nam tổ chức thành công Hội thảo thúc đẩy phát triển nền tảng phát thanh truyền hình số Quốc gia (ngày 23/9/2022).  Hiện nay, Đài Truyền hình Việt Nam đang thực hiện xây dựng và phát triển các nền tảng truyền hình số Quốc gia theo Kế hoạch đã được phê duyệt. Hàng tháng, Cục PTTH&TTĐT đều tổ chức họp với Đài Truyền hình Việt Nam sơ kết tháng và bàn phương hướng triển khai thực hiện nhiệm vụ tháng tới theo Kế hoạch đã được ban hành. |
| 8 | Phát triển nền tảng phát thanh số (trực tuyến) | Đài Tiếng nói Việt Nam | 2022 - 2025 | Bộ TTTT làm đầu mối, phối hợp với Đài Tiếng nói Việt Nam thực hiện buổi làm việc và khảo sát thực tế tại một số Đài Phát thanh và Truyền hình như: Đài PTTH Vĩnh Phúc; tham gia trao đổi về Kế hoạch phát triển nền tảng phát thanh số và nền tảng truyền hình số Quốc gia trong một số Hội nghị tổng kết thi đua khen thưởng của các cụm thi đua các Đài PTTH (cụm 1, cụm 2).  Cục PTTH&TTĐT làm đầu mối, phối hợp với Đài Tiếng nói Việt Nam tổ chức thành công Hội thảo thúc đẩy phát triển nền tảng phát thanh truyền hình số Quốc gia (ngày 23/9/2022).  Hiện nay, Đài Tiếng nói Việt Nam đang thực hiện xây dựng và phát triển các nền tảng phát thanh số Quốc gia theo Kế hoạch đã được phê duyệt. Hàng tháng, Cục PTTH&TTĐT đều tổ chức họp với Đài Tiếng nói Việt Nam sơ kết tháng và bàn phương hướng triển khai thực hiện nhiệm vụ tháng tới theo Kế hoạch đã được ban hành. |
| 9 | Phát triển nền tảng khảo sát, thu thập ý kiến người dân, tạo kênh độc lập thu thập, tổng hợp ý kiến phản ánh, đánh giá của người dân liên quan đến mọi vấn đề đời sống kinh tế, xã hội | Bộ Thông tin và Truyền thông | 2022 - 2025 | Bộ TTTT đã triển khai nền tảng thử nghiệm tại địa chỉ form.gov.vn.  Hiện tại, Bộ Thông tin và Truyền thông đang tiếp tục xây dựng tài liệu hướng dẫn về chức năng, tính năng kỹ thuật của nền tảng để các bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức tham khảo xây dựng, triển khai.  Tính năng khảo sát ý kiến người dân đang được chạy tính năng gửi câu hỏi theo chiều xuống (cơ quan chức năng xây dựng biểu mẫu khảo sát gửi xuống triển khai đến các tỉnh, thành phố. Các tỉnh, thành phố triển khai xuống cơ sở thông qua đường link liên kết như zalo, các thiết bị scan được QR…). |
| **VIII** | **Phát triển doanh nghiệp số** | | |  |
| 1 | Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và tổ chức triển khai Chiến lược phát triển công nghiệp công nghệ số Việt Nam | Bộ Thông tin và Truyền thông | 2022 - 2023 |  |
| 2 | Đẩy mạnh triển khai Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số (SMEdx) | Bộ TT&TT | 2022 - 2030 | i) Số lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận, tham gia chương trình SMEdx: 650.000 doanh nghiệp;  (ii) Số lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số SMEdx: 77.000 doanh nghiệp;  (iii) Số doanh nghiệp tham gia đánh giá mức độ chuyển đổi số trên cổng thông tin dbi.gov.vn là 353 doanh nghiệp. |
| 3 | Xây dựng và tổ chức triển khai Chương trình thúc đẩy chuyển đổi số các doanh nghiệp lớn và các tập đoàn, tổng công ty nhà nước | Bộ TT&TT | 2022 - 2030 | Đang nghiên cứu, xây dựng Đề án thúc đẩy chuyển đổi số các doanh nghiệp lớn và các tập đoàn, tổng công ty nhà nước trình Thủ tướng Chính phủ. |
| 4 | Xây dựng và triển khai Bộ Chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp, Đề án xác định chỉ số chuyển đổi số doanh nghiệp và Cổng thông tin chỉ số chuyển đổi số doanh nghiệp phục vụ cho các tổ chức, doanh nghiệp trên cả nước | Bộ Thông tin và Truyền thông | 2022 - 2025 |  |
| 5 | Sử dụng Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp để làm thước đo chuyển đổi số của doanh nghiệp và đánh giá hiệu quả các chương trình, kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số. Định kỳ tổ chức khảo sát đánh giá mức độ chuyển đổi số của các doanh nghiệp theo ngành, lĩnh vực, địa bàn | Bộ TT&TT; Bộ KH&ĐT; UBQL VNN tại DN; các bộ, cơ quan ngang bộ; các tỉnh thành phố trực thuộc trung ương | 2022 - 2030 |  |
| 6 | Xây dựng và triển khai Chương trình xác định Chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và Hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số trong ngành, lĩnh vực, địa bàn; chỉ đạo, đôn đốc doanh nghiệp trong ngành, lĩnh vực, địa bàn tích cực tham gia. Có chính sách ưu đãi, khuyến khích doanh nghiệp nỗ lực đạt mức độ chuyển đổi số cao để hình thành các doanh nghiệp số; nhắc nhở, đôn đốc các doanh nghiệp chậm chuyển đổi số | Các bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. | 2022 - 2030 | - Đã có 30 địa phương ban hành Kế hoạch thúc đẩy đánh giá chuyển đổi số và thúc đẩy doanh nghiệp (bao gồm cả doanh nghiệp SMEdx) năm 2022, bao gồm: Lạng Sơn, Thái Bình, Vĩnh Long, Cà Mau, Quảng Trị, Hưng Yên, Thái Nguyên, Đắc Lắc, Bình Phước, Đà Nẵng, Đồng Nai, Đồng Tháp, Vĩnh Phúc, Đắc Nông, Bắc Giang, Ninh Thuận, Cao Bằng, Trà Vinh, Bắc Cạn, Long An, Hà Nam, Cần Thơ, Điện Biên, Ninh Thuận, Đồng Nai, Kon Tum, Thanh Hóa, Sơn La, Lào Cai, Quảng Ngãi. (cập nhật đến 20/2/2022).  - NHNN đã ban hành Kế hoạch của Ngành ngân hàng phối hợp với Bộ TT&TT triển khai Đề án xác định Chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và hỗ trợ thúc đẩy doanh nghiệp chuyển đổi số (Quyết định số 1601/QĐ-NHNN ngày 21/9/2022).  - Triển khai kế hoạch, NHNN đã có Công văn số 1519/CNTT5 ngày 11/10/2022 gửi các tổ chức tín dụng thực hiện: (i) đăng ký tài khoản và tự đánh giá mức độ chuyển đổi số trên Cổng thông tin chuyển đổi số (địa chỉ tại: dbi.gov.vn). (ii) kết xuất kết quả đánh giá mức độ chuyển đổi số trên trang dbi.gov.vn và tổng hợp các ý kiến góp ý trong triển khai QĐ 1970/QĐ-BTTTT gửi NHNN.  - Đồng thời, thực hiện tuyên truyền về Bộ Chỉ số chuyển đổi số doanh nghiệp; Cổng thông tin chuyển đổi số doanh nghiệp; Mạng lưới tư vấn kinh tế số và chuyển đổi số; Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số. |
| 7 | Xây dựng và tổ chức triển khai Chương trình phát triển Mạng lưới chuyên gia, tổ chức tư vấn kinh tế số và chuyển đổi số doanh nghiệp một cách chuyên nghiệp. Phát triển mạng lưới tư vấn với tối thiểu 1.000 chuyên gia và 500 đơn vị tư vấn được Bộ Thông tin và Truyền thông chứng nhận và thường xuyên được đào tạo, bồi dưỡng cập nhật kiến thức, kỹ năng | Bộ Thông tin và Truyền thông | 2022 - 2030 |  |
| 8 | Xây dựng và triển khai Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp bưu chính, chuyển phát và logistic chuyển đổi số; Chương trình hỗ trợ các cửa hàng bán lẻ chuyển đổi số; Chương trình hỗ trợ các hộ sản xuất nông nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể chuyển đổi số, kinh doanh trên sàn thương mại điện tử | Bộ Thông tin và Truyền thông | 2022 - 2030 | 1. Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp bưu chính, chuyển phát và logistic chuyển đổi số được phê duyệt tại Quyết định số 1242/QĐ-BTTTT ngày 28/6/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt Kế hoạch hành động của Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện Quyết định số 654/QĐ-TTg ngày 30/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển bưu chính đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030 trong năm 2023. Bộ TTTT triển khai xây dựng giải pháp trong báo cáo chia sẻ hạ tầng bưu chính giữa các doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính. Hiện đã phối hợp được 12 đơn vị Doanh nghiệp Bưu chính cung cấp giải pháp "chuyển đổi số" cho các doanh nghiệp, kết quả có hơn 80 doanh nghiệp tham gia nền tảng chuyển đổi số.  2. Kế hoạch hỗ trợ đưa hộ SXNN lên sàn TMĐT, thúc đẩy phát triển kinh tế số nông nghiệp, nông thôn năm 2022 được phê duyệt theo Quyết định số 350/QĐ-BTTTT ngày 24/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.  - Kế hoạch nhằm mục tiêu giúp đỡ các hộ sản xuất nông nghiệp tiếp cận với công nghệ số, mở thêm kênh phân phối sản phẩm, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng thị trường tiêu thụ nông sản, phát triển kinh tế số nông nghiệp, nông thôn.  - Năm 2022, hai sàn thương mại điện tử Postmart và Vỏ sò đã ghi nhận kết quả ấn tượng:  + Tổng số giao dịch đến tháng 2/2023: 1.561.396 giao dịch, trong đó năm 2022 đạt 1.375.607 giao dịch tăng hơn 18 lần so với năm 2021 (74.665 giao dịch).  + Tổng giá trị giao dịch đến tháng 2/2023 đạt 363.91 tỷ đồng, trong đó năm 2022 đạt tăng 1,8 lần (221.76 tỷ đồng) so với năm 2021 (123.2 tỷ đồng).  + Số lượng tài khoản active đến tháng 2/2023: 8.643.159 tài khoản, trong đó năm 2022 đạt 7.078.278 tăng 6,8 lần so với năm 2021 (1.037.671 tài khoản).  + Tổng số nông sản lên sàn đến tháng 2/2023: 173.742 sản phẩm, trong đó năm 2022 đạt tăng 3,3 lần so với năm 2021 (51.947).  + Tổng số loại sản phẩm OCOP lên sàn đến tháng 2/2023: 8.214 sản phẩm, hoàn thành 100% mục tiêu đề ra. |
| 9 | Hỗ trợ, thúc đẩy phát triển nền tảng quản trị tổng thể, nền tảng kế toán dịch vụ, nền tảng tối ưu hóa chuỗi cung ứng, nền tảng thương mại số nông nghiệp, nền tảng trí tuệ nhân tạo, nền tảng trợ lý ảo, nền tảng thiết bị IoT của Việt Nam | Bộ Thông tin và Truyền thông | 2022 - 2025 | 1. Thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng thiết bị IoT của Việt Nam thông qua hội thảo xúc tiến và kết nối cung cầu; trao giải thưởng Make in Vietnam năm 2022 cho những sản phẩm xuất sắc. Cụ thể:  a) Tổ chức hội thảo  - Tổ chức hội thảo xúc tiến thương mại các nền tảng IoT tại Quảng Ngãi cho các khu công nghiệp VSIP như: giải pháp giám sát cháy nổ, quản lý xe ra vào qua AI camera của Mobifone; nền tảng bản đồ số, quản lý tài sản của khu công nghiệp của IoTLink; container rỗng (container thông minh) của SmartLog; giải pháp quản lý, theo dõi nước, ánh sáng, điện, gas… của Rynan Technologies.  - Tổ chức hội thảo thúc đẩy phát triển kinh tế số, nông nghiệp nông thôn, trong đó, xúc tiến thương mại và kết nối cung cầu cho các doanh nghiệp công nghệ số sở hữu nền tảng IoT như: hệ thống truy xuất nguồn gốc của checknet; cảnh báo dữ liệu môi trường sớm, giám sát và điều tiết dinh dưỡng tự động của Next Vision; nền tảng dinh dưỡng và dữ liệu môi trường thực của Next Vision.  b) Trao giải Make in Vietnam 2022:  - Nền tảng VNPT IoT platform của Tập đoàn VNPT giành giải Top 10 sản phẩm số xuất sắc cho Chính phủ số.  - Giải pháp phân tích và định lượng chất thải hữu cơ thông minh trong nuôi trồng thủy sản của Công ty cổ phần Rynan Technologies Vietnam giành giải vàng sản phẩm số tiềm năng.  - Hệ sinh thái chuyển đổi số nông nghiệp thông minh nông nghiệp thông minh Nextfarm của Công ty cổ phần Next Vision được trao giải đồng sản phẩm số tiềm năng. |
| **IX** | **Phát triển thanh toán số** | | |  |
| 1 | Xây dựng, trình Chính phủ ban hành Nghị định của Chính phủ về cơ chế thử nghiệm có kiểm soát hoạt động công nghệ tài chính trong lĩnh vực ngân hàng | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam | 2022 - 2024 | NHNN đã phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan tiếp thu, nghiên cứu, giải trình, hoàn thiện dự thảo Nghị định quy định về Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát hoạt động Fintech trong lĩnh vực ngân hàng theo Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp. Trên cơ sở ý kiến của các Bộ, ngành liên quan, ngày 21/9/2022, NHNN đã có Tờ trình Chính phủ số 103/TTr-NHNN về dự thảo Nghị định. Thực hiện chỉ đạo của Phó Thủ tướng Lê Minh Khái, NHNN đã có Công văn số 7429/NHNN-TT ngày 21/10/2022 gửi lấy ý kiến một số Bộ, cơ quan liên quan để trao đổi, thống nhất và hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị định trước khi gửi lấy ý kiến các cơ quan theo quy định. |
| 2 | Rà soát, sửa đổi quy định, chính sách về tài chính, phí, lệ phí theo hướng loại bỏ các rào cản thanh toán không sử dụng tiền mặt, từ đó, khuyến khích người dân thực hiện các giao dịch không sử dụng tiền mặt | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam | 2022 - 2024 | NHNN đã đề nghị các tổ chức tín dụng, tổ chức trung gian thanh toán nghiên cứu, áp dụng chính sách ưu đãi về phí dịch vụ thanh toán để khuyến khích và tạo lập thói quen cho khách hàng TTDKTM đối với dịch vụ công (bao gồm hoạt động chi trả các chế độ bảo hiểm xã hội, trợ cấp xã hội). Trước bối cảnh dịch Covid-19 gây ra nhiều khó khăn cho người dân và doanh nghiệp, từ năm 2020, NHNN chỉ đạo trên toàn ngành ngân hàng giảm phí dịch vụ thanh toán nhằm hỗ trợ người dân, doanh nghiệp, như: (i) NHNN đã điều chỉnh giảm 50% phí giao dịch qua Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng; (ii) Chỉ đạo Công ty Cổ phần Thanh toán Quốc gia Việt Nam (Napas) giảm phí chuyển mạch qua ATM/POS, chuyển tiền nhanh 24/7; (iii) Yêu cầu các TCTD thực hiện điều chỉnh giảm phí dịch vụ chuyển tiền cho khách hàng với mức giảm tối thiểu bằng số tiền phí mà TCTD đã được NHNN, Napas giảm... Thực tế hiện nay, nhiều TCTD vẫn đang áp dụng chính sách miễn, giảm phí tài khoản, thẻ cho khách hàng; trong đó nhiều ngân hàng đang triển khai các gói sản phẩm dịch vụ “zero fee” (miễn phí chuyển khoản, phí quản lý tài khoản, phí phát hành, phí thường niên thẻ...); cung ứng các gói sản phẩm đa dạng kèm các điều kiện duy trì số dư bình quân để được miễn phí. |
| 3 | Tổ chức triển khai hiệu quả Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia theo hướng thúc đẩy tài chính số, phát triển kinh tế số tài chính | Bộ Tài chính | 2022 - 2025 | \* Về phát triển các tổ chức cung ứng, kênh phân phối  - Các tổ chức cung ứng toàn hệ thống gồm: 126 Tổ chức tín dụng (TCTD); 1181 Quỹ tín dụng nhân dân; 16 công ty tài chính; 04 tổ chức tài chính vi mô; 48 tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán và 03 doanh nghiệp viễn thông được cấp giấy phép triển khai thí điểm dịch vụ Mobile Money. - Các TCTD đẩy mạnh triển khai chiến lược chuyển đổi số trong các hoạt động nghiệp vụ và cung ứng sản phẩm, dịch vụ thanh toán hiện đại, góp phần phát triển thanh toán không dung tiền mặt (TTKDTM); chú trọng đến khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa, thanh toán dịch vụ công và thương mại điện tử. Đến cuối năm 2021, giá trị thanh toán qua Internet tăng 48,76%; thanh toán qua điện thoại di động tăng 87,5%; thanh toán qua mã QR tăng 125,5%; thanh toán nội địa qua thẻ ngân hàng tăng 21,16%... so với cùng kỳ năm 2020.  \* Về phát triển sản phẩm, dịch vụ tài chính cơ bản, hướng đến những đối tượng mục tiêu của tài chính toàn diện  - Các TCTD tiếp tục phát triển các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng số, thực hiện miễn, giảm phí dịch vụ thanh toán nhằm thúc đẩy TTKDTM, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp chịu ảnh hưởng của dịch Covid-19. Đến nay, 100% đơn vị sử dụng NSNN thuộc đối tượng bắt buộc đã đăng ký tham gia dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) tại Kho bạc Nhà nước, tỷ lệ giao dịch chi NSNN qua DVCTT đạt trên 99%; 57% số người hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp thất nghiệp nhận qua tài khoản cá nhân ở khu vực đô thị. UBND các tỉnh, thành phố tích cực chỉ đạo đẩy mạnh TTKDTM trên địa bàn; tuyên truyền, khuyến khích người dân thực hiện TTKDTM  - NHNN triển khai nhiều giải pháp hỗ trợ cho các DNNVV, HTX như: Quy định trần lãi suất cho vay ngắn hạn đối với 5 lĩnh vực ưu tiên; chỉ đạo các TCTD đơn giản hóa quy trình, thủ tục vay vốn; phát triển các sản phẩm tín dụng, các chương trình, gói tín dụng với lãi suất hợp lý.  \* Về hoàn thiện và tăng hiệu quả sử dụng cơ sở hạ tầng tài chính  NHNN tiếp tục đầu tư, nâng cấp các hệ thống thanh toán quan trọng trong nền kinh tế; chỉ đạo các TCTD hiện đại hóa hệ thống thanh toán nội bộ.  Đối với việc thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg, Một số NHTM (Vietcombank, BIDV, Vietinbank, …) đã phối hợp với C06 – Bộ Công an triển khai thử nghiệm giải pháp ứng dụng xác thực người dân qua thẻ CCCD gắn chíp trong một số nghiệp vụ của NHTM từ tháng 5/2022 như: (i) Xác thực, định danh khách hàng tại quầy giao dịch; (ii) Xác thực, định danh khách hàng từ xa qua mạng Internet (eKYC) để mở tài khoản, thực hiện các giao dịch ngân hàng điện tử, ngân hàng số; (iii) Xác thực, định danh khách hàng giao dịch tại ATM, thay thế thẻ ATM do ngân hàng phát hành… Đến nay, BIDV đã triển khai thực tế tại 09 địa điểm trên địa bàn Hà Nội và Quảng Ninh; Vietcombank triển khai thí điểm từ ngày 03/6/2022 và đang lập kế hoạch đầu tư cơ sở hạ tầng để từng bước triển khai trên diện rộng tại tất cả các chi nhánh trên toàn quốc; Vietinbank đã triển khai thí điểm dịch vụ rút tiền tại ATM bằng thẻ CCCD từ ngày 07/5/2022 tại Trụ sở chính của Vietinbank. Ngày 29/8/2022, Hội đồng đánh giá giải pháp ứng dụng thẻ CCCD gắn chíp để xác thực khách hàng phục vụ giao dịch ngân hàng đã thực hiện khảo sát, đánh giá tại 02 NHTM (Vietcombank, BIDV).  \* Về giáo dục tài chính, nâng cao năng lực và kiến thức tài chính; bảo vệ người tiêu dùng tài chính  NHNN đã triển khai nhiều chương trình truyền thông, đào tạo tăng cường kiến thức, kỹ năng tài chính cho người dân và doanh nghiệp4, tiếp tục tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý kiên quyết các tồn tại, sai phạm của TCTD, góp phần bảo đảm an ninh, kỷ luật trên thị trường tiền tệ - ngân hàng. |
| 4 | Tổ chức triển khai Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam | 2022 - 2025 | \* Cơ sở hạ tầng và công nghệ phục vụ TTKDTM:  - Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng (TTĐTLNH) tiếp tục hoạt động ổn định, an toàn, phát huy hiệu quả trong vai trò là hệ thống thanh toán xương sống của quốc gia, đáp ứng tốt nhu cầu thanh toán liên ngân hàng trong toàn quốc. Trong 10 tháng đầu năm 2022, hệ thống TTĐTLNH đạt 129,69 triệu giao dịch với giá trị đạt 160,74 triệu tỷ đồng (tăng 4,60% về số lượng, 33,06% về giá trị so với cung kỳ 2021).  - Trong 10 tháng đầu năm 2022, Hệ thống chuyển mạch tài chính và bu trừ điện tử (CMTC&BTĐT) hoạt động ổn định, thông suốt, cung cấp với khả năng thanh toán theo thời gian thực (real-time), hoạt động 24x7x365, xử lý giao dịch đa kênh, đa phương tiện, phục vụ nhu cầu chuyển tiền, giao dịch thanh toán bán lẻ, thanh toán các dịch vụ tiện ích, phục vụ tốt các hoạt động của người dân, doanh nghiệp, tạo xu hướng xã hội số, kinh tế số. Trong 10 tháng đầu năm 2022, Hệ thống CMTC&BTDT đạt 3.770,15 triệu giao dịch với giá trị đạt 38,10 triệu tỷ đồng (tăng 99,79% về số lượng, 106,09% về giá trị so với cung kỳ 2022).  - Đến cuối tháng 10/2022, toàn thị trường có 20.853 ATM (tăng 3,79% so với cùng kỳ năm 2021), có 395.995 máy POS (tăng 53,24% so với cung kỳ năm 2021).  Trong 10 tháng đầu năm 2022, số lượng giao dịch qua ATM đạt hơn 890,0 triệu giao dịch, với giá trị đạt hơn 2,57 triệu tỷ đồng (tăng tương ứng 14,08% và 15,35% so với cung kỳ năm 2021); số lượng giao dịch qua POS đạt hơn 502,48 triệu giao dịch, với giá trị đạt gần 831,93 nghìn tỷ đồng (tăng tương ứng 49,52% và 13,9% so với năm 2021).  - Hệ thống thanh toán nội bộ tiếp tục được các ngân hàng hoàn thiện thông qua việc xây mới hoặc nâng cấp hệ thống ngân hàng lõi (Core Banking), phát triển các kênh/dịch vụ thanh toán điện tử (Internet Banking, Mobile Banking, ATM, POS, QR Code,….). Một số ngân hàng đã và đang nghiên cứu triển khai nền tảng ngân hàng số hay triển khai giải pháp kết nối đa kênh, có khả năng kết nối và tương thích với các hệ thống SWIFT, TTĐTLNH, CMTC&BTĐT theo chuẩn ISO 20022, tập trung hóa các hoạt động thanh toán...  \* Đẩy mạnh phát triển, ứng dụng các dịch vụ, phương tiện TTKDTM:  - Dịch vụ thanh toán thẻ tiếp tục được các ngân hàng quan tâm phát triển. Đến cuối tháng 10/2022, tổng lượng thẻ lưu hành đạt khoảng 142,4 triệu thẻ (tăng 14,2% so với cung kì năm 2021).  - Thanh toán điện tử qua Internet, điện thoại di động (ĐTDĐ) đạt được kết quả đáng ghi nhận, thu hút số lượng lớn khách hàng sử dụng. Đến cuối tháng 10/2022, có 82 tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán (TCCUDVTT) đã triển khai dịch vụ thanh toán qua Internet và 51 TCCUDVTT thực hiện qua ĐTDĐ. Trong 10 tháng đầu năm 2022, số lượng giao dịch thanh toán qua Internet đạt 1.043,9 triệu giao dịch với giá trị 40,3 triệu tỷ đồng (tăng tương ứng 86,9% về số lượng và 40,4% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021); qua kênh ĐTDĐ đạt 3.425,8 triệu giao dịch với giá trị hơn 35,1 triệu tỷ đồng (tăng tương ứng 116% về số lượng và 97% về giá trị so với cung kỳ năm 2021);  - Các ngân hàng, tổ chức trung gian thanh toán (TGTT) đã nghiên cứu, ứng dụng nhiều công nghệ mới, hiện đại vào hoạt động thanh toán, với việc áp dụng xác thực vân tay, sinh trắc, sử dụng QR Code, mã hóa thông tin thẻ (Tokenization), thanh toán phi tiếp xúc, công nghệ mPOS,... Đây là các hình thức thanh toán hiện đại, an toàn, tiện lợi, được người tiêu dung đón nhận tích cực. Trên thị trường hiện có 32 NHTM và 10 tổ chức TGTT triển khai dịch vụ thanh toán qua QR Code. Trong 10 tháng đầu năm 2022, số lượng giao dịch thanh toán qua kênh QR code đạt 50,6 triệu giao dịch với giá trị 49.981 tỷ đồng (tăng tương ứng 169% về số lượng và 204% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021).  \* Đẩy mạnh phát triển, ứng dụng các phương tiện và mô hình thanh toán/chuyển tiền hiện đại, dễ sử dụng, phù hợp với điều kiện ở nông thôn:  - NHNN tiếp tục chỉ đạo thực hiện thí điểm phát triển một số hình thức TTKDTM ở khu vực nông thôn tại Việt Nam dựa trên sự hợp tác của các NHTM với các tổ chức khác hướng tới khách hàng tại địa bàn nông thôn, vung sâu, vung xa để mở rộng, thúc đẩy TTKDTM. Các mô hình thí điểm đã đạt một số kết quả khả quan, góp phần đáp ứng nhu cầu chuyển tiền của khách hàng thuộc nhóm đối tượng khác nhau, đặc biệt là người dân ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, những người chưa có điều kiện hoặc gặp khó khăn trong việc tiếp cận, sử dụng dịch vụ ngân hàng.  - NHNN đã phối hợp với các Bộ, ngành liên quan triển khai thí điểm dịch vụ Mobile-Money, hướng tới khách hàng không có tài khoản thanh toán; phối hợp với các bộ, ngành liên quan chấp thuận cho 03 doanh nghiệp viễn thông (Tổng Công ty Viễn thông Mobifone, Tổng Công ty Truyền thông (VNPT-Media), Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông quân đội (Viettel)) triển khai thí điểm dịch vụ Mobile-Money… Đến cuối tháng 9/2022, dịch vụ Mobile - Money do 03 doanh nghiệp thực hiện thí điểm cung ứng ra thị trường (Viettel, VNPT-Media, MobiFone) đã đạt được một số kết quả cụ thể, như sau:  - Về phát triển khách hàng: Tổng số tài khoản Mobile - Money được mở tại các doanh nghiệp thực hiện thí điểm là hơn 2,34 triệu tài khoản, trong đó số lượng tài khoản đăng ký và sử dụng dịch vụ ở nông thôn, miền núi, vung sâu, vung xa, biên giới và hải đảo là hơn 1,62 triệu tài khoản (chiếm 69,23% tổng số tài khoản).  - Về phát triển điểm kinh doanh: Hơn 8,2 nghìn điểm kinh doanh được thiết lập, trong đó: số lượng điểm kinh doanh thuộc vung nông thôn, vung sâu, vung xa, biên giới và hải đảo gần 4,5 nghìn điểm (chiếm khoảng 54% tổng số điểm kinh doanh được thiết lập).  - Về phát triển đơn vị chấp nhận thanh toán (ĐVCNTT): Tổng số ĐVCNTT được thiết lập là hơn 14.500 ĐVCNTT, trong đó có các ĐVCNTT cung ứng dịch vụ thiết yếu như điện, nước, giáo dục, bán lẻ…  - Về giao dịch bằng dịch vụ Mobile - Money: Tổng số lượng giao dịch đạt gần 15 triệu giao dịch với tổng giá trị hơn 929 tỷ đồng.  \* Thúc đẩy TTKDTM đối với dịch vụ công: Làm việc với Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và đào tạo về thúc đẩy triển khai thanh toán số, TTKDTM trong lĩnh vực giáo dục, y tế”  Triển khai các giải pháp đẩy mạnh thanh toán qua ngân hàng đối với các dịch vụ công, thời gian qua, NHNN thường xuyên phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương; đồng thời có những chỉ đạo quyết liệt trong toàn ngành đẩy mạnh phối hợp triển khai thanh toán điện tử trong lĩnh vực công, cụ thể:  - Phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông trong việc thúc đẩy thanh toán viện phí, học phí không dung tiền mặt, NHNN đã có Công văn số 5786/NHNN-TT ngày 19/8/2022 gửi các NHTM, tổ chức cung ứng dịch vụ TGTT, doanh nghiệp thực hiện thí điểm dịch vụ Mobile-Money về việc hỗ trợ triển khai thanh toán trực tuyến lệ phí đăng ký xét tuyển đại học.  - Phối hợp với Bộ Công an trong việc triển khai Quyết định 06/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030.  - Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo trong việc thúc đẩy thanh toán lệ phí, học phí không dung tiền mặt: NHNN đã có Công văn số 4908/NHNN-TT ngày 15/7/2022 gửi Học viện Ngân hàng, Đại học Ngân hàng TP HCM hướng dẫn thanh toán học phí theo phương thức TTKDTM.  - Phối hợp với Văn phòng Chính phủ, Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan liên quan triển khai thúc đẩy thanh toán điện tử đối với dịch vụ công, trong đó có việc thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia. |
| 5 | Triển khai Chương trình thúc đẩy dịch vụ Mobile-Money | Bộ Thông tin và Truyền thông | 2022 - 2025 |  |
| 6 | Triển khai Chương trình hỗ trợ bệnh viện, trường học thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt và chuyển đổi số quản trị hoạt động của đơn vị | Bộ TT&TT; các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương | 2022 - 2025 | Đã có 26 địa phương ban hành Kế hoạch hỗ trợ, thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các trường học, cơ sở giáo dục và bệnh viện, cơ sở y tế, bao gồm: Vĩnh Long, Tuyên Quang, Lạng Sơn, Quảng Trị, Quảng Ngãi, Đắc Lắc, Hưng Yên, Đồng Nai, Kiên Giang, Bình Phước, Đồng Tháp, Thừa Thiên-Huế, An Giang, Đắc Nông, Bắc Cạn, Vũng Tàu, Cao Bằng, Hà Nam, Bình Thuận, Hà Giang, Khánh Hòa, Ninh Bình, Thanh Hóa, Lâm Đồng, Tiền Giang, Đà Nẵng. |
| 7 | Đổi mới công nghệ và nghiệp vụ hệ thống thanh toán liên ngân hàng theo thông lệ quốc tế; nâng cấp phát triển hệ thống thanh toán bù trừ điện tử | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam | 2022 - 2024 | \* Đối với hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng (TTĐTLNH)  - Hệ thống TTĐTLNH được nâng cấp theo hướng tập trung, hiện đại, đóng vai trò là hệ thống thanh toán thanh toán xương sống quốc gia, kết nối với các hệ thống khác trong nền kinh tế, hoạt động thông suốt, an toàn. Năm 2020, NHNN đã hoàn thành nâng cấp hệ thống TTĐTLNH. Trong đó, ngoài việc nâng cao năng lực xử lý của các dịch vụ thanh toán nội tệ sẵn có gồm: thanh toán giá trị cao, thanh toán giá trị thấp, quyết toán tiền giao dịch trái phiếu chính phủ, hỗ trợ thu ngân sách nhà nước, hệ thống TTĐTLNH còn được bổ sung các dịch vụ như thanh toán ngoại tệ (với 02 loại tiền là USD, EUR) và quyết toán giao dịch bán lẻ từ các hệ thống Chuyển mạch tài chính và Bù trừ điện tử. Kết quả trong 10 tháng đầu năm 2022, hệ thống TTĐTLNH đạt 129,69 triệu giao dịch với giá trị đạt 160,74 triệu tỷ đồng (tăng 4,60% về số lượng, 33,06% về giá trị so với cung kỳ 2021). Đến nay, hệ thống TTĐTLNH đã được kết nối với toàn bộ 63 KBNN cấp tỉnh trong cả nước, đáp ứng được nhu cầu thu, chi ngân sách của người dân và doanh nghiệp một cách nhanh chóng, kịp thời.  - Trong thời gian tới, NHNN sẽ tiếp tục nghiên cứu, phát triển hệ thống TTĐTLNH theo hướng:  + Chuẩn hoá các thanh toán giá trị cao đáp ứng cơ bản các nguyên tắc, thông lệ quốc tế về hoạt động và dịch vụ áp dụng cho hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia và chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho kết nối thanh toán xuyên biên giới.  + Nâng cấp dịch vụ thanh toán giá trị thấp về nghiệp vụ và công nghệ đáp ứng yêu cầu xử lý thanh toán 24/7, kết nối thanh toán online xuyên suốt đến khách hàng của hệ thống Ngân hàng.  + Áp dụng tiêu chuẩn tin điện tài chính quốc tế ISO 2022  \* Đối với hệ thống thanh toán bù trừ điện tử  Hệ thống thanh toán bù trừ điện tử tự động phục vụ các giao dịch thanh toán bán lẻ (ACH) với khả năng thanh toán theo thời gian thực, hoạt động 24x7x365, xử lý giao dịch đa kênh, đa phương tiện, hiện đã có 15 ngân hàng triển khai chính thức, phục vụ nhu cầu chuyển tiền, giao dịch thanh toán bán lẻ, thanh toán các dịch vụ tiện ích. Trong 10 tháng đầu năm 2022, Hệ thống chuyển mạch bù trừ đạt 3.770,15 triệu giao dịch với giá trị đạt 38,10 triệu tỷ đồng (tăng 99,79% về số lượng, 106,09% về giá trị so với cung kỳ 2022. |
| 8 | Nghiên cứu, xây dựng và thí điểm sử dụng tiền kỹ thuật số dựa trên công nghệ chuỗi khối (blockchain) | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam | 2022 - 2025 | NHNN đã và đang phối hợp với các Bộ, ngành liên quan để triển khai theo nhiệm vụ của Thủ tướng Chính phủ giao (tối mật). |
| 9 | Xây dựng và ban hành hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về hóa đơn điện tử | Bộ Tài chính | 2022 - 2023 | Bộ Tài chính đã hoàn thành việc triển khai hóa đơn điện tử (HĐĐT) trên toàn quốc từ ngày 21/04/2022. 100% doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thuộc trường hợp sử dụng hóa đơn áp dụng quy định về hoá đơn điện tử.  Các tiêu chuẩn, định dạng về hóa đơn điện tử đã được ban hành kèm theo Nghị định 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định về hóa đơn, chứng từ và các Thông tư hướng dẫn. |
| 10 | Xây dựng và đẩy mạnh triển khai Nền tảng hóa đơn điện tử quốc gia | Bộ Tài chính | 2022 - 2023 | Bộ Tài chính đã hoàn thành việc triển khai hóa đơn điện tử (HĐĐT) trên toàn quốc từ ngày 21/04/2022. 100% doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thuộc trường hợp sử dụng hóa đơn áp dụng quy định về hoá đơn điện tử. |
| **B** | **PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ VÀ XÃ HỘI SỐ NGÀNH, LĨNH VỰC** | | |  |
| **I** | **Phát triển kinh tế số, xã hội số nông nghiệp và nông thôn** | | |  |
| 1 | Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch hành động phát triển kinh tế số và xã hội số trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | 2022 - 2025 | Chưa ban hành. Thực hiện theo Dự án đầu tư Xây dựng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu nền tảng ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 2 | Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng dữ liệu số nông nghiệp; Nền tảng số kết nối người nông dân với chuyên gia nông nghiệp; Nền tảng truy xuất nguồn gốc nông sản | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | 2022 - 2025 | \* Ngày 19/01/2019, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 100/QĐ-TTg phê duyệt Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc. Theo đó, Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa quốc gia. Các bộ, ngành liên quan xây dựng, vận hành hệ thống truy xuất nguồn gốc, cơ sở dữ liệu sản phẩm, hàng hóa thuộc thẩm quyền, bảo đảm kết nối với Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa quốc gia, hoàn thành trước năm 2025.  Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn đã xây dựng và ban hành Quyết định số 4164/QĐ-BNN-KHCN ngày 26/10/2021 về kế hoạch triển khai Quyết định số 100/QĐ-TTg. Theo đó, giai đoạn 2021-2025:  + Rà soát, xây dựng, ban hành các văn bản quy định, hướng dẫn liên quan đến truy xuất nguồn gốc nông sản (2021-2022)  + Ban hành danh mục sản phẩm, hàng hóa nông sản chủ lực, ưu tiên cần phải thực hiện truy xuất nguồn gốc (2021-2023)  + Nghiên cứu, đề xuất giải pháp, lựa chọn công nghệ và nhận chuyển giao công nghệ liên quan đến truy xuất nguồn gốc nông sản (2021-2022)  + Đầu tư trang thiết bị, hạ tầng, thử nghiệm kết nối, chia sẻ và đồng bộ dữ liệu đến các địa phương, với các hệ thống thông tin, CSDL quốc gia. (2021-2025)  + Giai đoạn 2025: Xây dựng, ban hành danh mục nhóm sản phẩm, hàng hóa nông sản chủ lực cần truy xuất nguồn gốc. Lựa chọn một số sản phẩm, hàng hóa nông sản trọng điểm làm thí điểm để cập nhât vào hệ thống, hình thành chuỗi truy xuất nguồn gốc nông sản hoàn chỉnh.  Hiện nay Bộ đã xây dựng Hệ thống CheckVN Cổng truy xuất nguồn gốc sản phẩm tại địa chỉ <http://checkvn.mard.gov.vn/> và đến nay đã được Bộ cho phép sử dụng như là một trong các công nghệ, giải pháp để áp dụng truy xuất thông tin cho các sản phẩm nông nghiệp. Hệ thống này đã sẵn sàng cho việc khai thác, sử dụng cũng như đấu nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu với các hệ thống khác. Các tổ chức, doanh nghiệp hoàn toàn chủ động tham gia kết nối, cập nhật, chia sẻ thông tin sản phẩm lên hệ thống truy xuất của Bộ, hình thành nên mạng lưới truy xuất nguồn gốc ở phạm vi rộng.  Hệ thống truy xuất nguồn gốc của Bộ đã kết nối dữ liệu thông suốt với hệ thống truy xuất nguồn gốc của các địa phương là Hà Nội, Hưng Yên, Hòa Bình, Quảng Ninh, Hà Nam, Ninh Bình, Vĩnh Long, Đắc Nông, Cần Thơ (hệ thống của các địa phương này hầu như do Sở Nông nghiệp và PTNT quản lý). Ngoài ra, hệ thống đang được triển khai cho 13 tỉnh vùng Đồng bằng sông Cửu Long và sẵn sàng về mặt kỹ thuật để kết nối với các địa phương khác (kể cả Cổng truy xuất nguồn gốc quốc gia trong thời gian tới).  Đến thời điểm hiện tại, đã có 3.609 doanh nghiệp với Bộ mã truy xuất nguồn gốc của 13.460 sản phẩm nông sản thực phẩm được trung tâm IDE đưa lên hệ thống CheckVN và cũng được Trung tâm Tin học và Thống kê đồng bộ, đấu nối liên thông lên hệ thống truy xuất nguồn gốc của Bộ Nông nghiệp và PTNT. Ngoài ra, trên 400 doanh nghiệp của 45 tỉnh trên cả nước đã tự nguyện đăng ký tham gia ứng dụng công nghệ CheckVN.  Dự kiến tháng 02/2023 Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn sẽ tổ chức sự kiện công bố nền tảng Truy xuất nguồn gốc nông sản.  \* Đang triển khai thực hiện các nhiệm vụ cụ thể như sau:  - Xây dựng Ứng dụng "Hệ sinh thái nền tảng nông nghiệp VIDAPES"; kết hợp với Tỉnh Đồng Tháp để mở rộng ứng dụng.  - Ứng dụng giám sát hoạt động sản xuất lúa RiceMo |
| 3 | Xây dựng, cập nhật bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới, tiêu chí quốc gia về xóa đói giảm nghèo có các tiêu chí về phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số. Tổ chức triển khai mô hình làng chuyển đổi số, xã chuyển đổi số | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | 2022 - 2025 | Quyết định 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 ban hành bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 – 2025.  Kế hoạch tổ chức thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm thuộc Chương trình Chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021-2025 (ban hành theo Quyết định 06/QĐ-BCĐTW-VPĐP ngày 12/10/2022 của Trưởng Ban chỉ đạo Trung ương các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025).  Bộ cũng ban hành Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022 hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. |
| 4 | Tổ chức triển khai sáng kiến phổ cập kỹ năng số cho người nông dân | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | 2022 - 2025 | Đề án “Nâng cao hiệu quả hoạt động công tác khuyến nông trên cơ sở kiện toàn mô hình tổ khuyến nông cộng đồng” ban hành theo Quyết định số 1094 /QĐ-BNN-KN ngày 25/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp-PTNT. Sau 1 năm triển khai đã có 13 tỉnh trong Đề án đã thành lập được 149 tổ khuyến nông cộng đồng với 900 thành viên tham gia, trong đó có 26 tổ trong đề án thí điểm và 123 tổ tại các vùng nguyên liệu. Ngoài ra, trên cả nước có thêm 12 tỉnh ngoài Đề án cũng đã thành lập tổ khuyến nông cộng đồng, như: Hải Phòng (132 tổ), Cần Thơ (56 tổ), Hậu Giang (50 tổ); Quảng Nam (đến 2024 phấn đấu 100% xã có tổ khuyến nông cộng đồng), Tiền Giang (có 138/162 xã có tổ khuyến nông cộng đồng)… Với chức năng nhiệm vụ là chuyển giao công nghệ, khuyến nông; hỗ trợ, tư vấn phát triển HTX; hỗ trợ thị trường và liên kết chuỗi giá trị; đào tạo nông dân số; tham gia các nhiệm vụ khác tại địa phương.  Ngoài ra, Bộ còn triển khai, thực hiện theo lộ trình của Quyết định số 3360 /QĐ-BNN-VPĐP ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Khung Chương trình bồi dưỡng, tập huấn cán bộ các cấp xây dựng nông thôn mới. |
| 5 | Tuyên truyền, vận động, hướng dẫn, hỗ trợ nông dân chuyển đổi số, nâng cao kỹ năng số và tham gia phát triển kinh tế số, xã hội số | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | 2022 - 2025 |  |
| 6 | Xây dựng và tổ chức triển khai đào tạo chuyên ngành về nông nghiệp số trong các cơ sở đào tạo đại học, sau đại học trong ngành Nông nghiệp và phát triển nông thôn | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ Giáo dục và Đào tạo | 2022 - 2025 |  |
| **II** | **Phát triển kinh tế số, xã hội số trong y tế** | | |  |
| 1 | Rà soát, sửa đổi quy định, chính sách trong y tế cho phù hợp phát triển kinh tế số, xã hội số trong y tế | Bộ Y tế | 2022 - 2023 | Trong nhiều năm qua, Bộ Y tế đã ban hành nhiều văn bản nhằm định hướng, thúc đẩy chuyển đổi số trong ngành y tế, tiêu biểu:  - Thông tư số 54/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 của Bộ Y tế ban hành bộ tiêu chí ứng dụng công nghệ thông tin tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;  - Thông tư số 46/2018/TT-BYT ngày 28/12/2018 của Bộ Y tế quy định hồ sơ bệnh án điện tử;  - Quyết định số 4888/QĐ-BYT ngày 18/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt đề án ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin y tế thông minh giai đoạn 2019 - 2025;  - Quyết định số 6085/QĐ-BYT ngày 30/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Kiến trúc Chính phủ điện tử Bộ Y tế, phiên bản 2.0;  - Quyết định số 5316/QĐ-BYT ngày 22/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt chương trình chuyển đổi số y tế đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;  - Quyết định số 28/QĐ-BYT ngày 05/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Bộ tiêu chí công nghệ thông tin để thực hiện hoạt động y tế từ xa;  - Quyết định số 198/QĐ-BYT ngày 13/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định danh mục chuẩn định dạng dữ liệu kết nối liên thông y tế cơ sở với nền tảng quản lý thông tin y tế cơ sở V20;  - Quyết định số 2955/QĐ-BYT ngày 28/10/2022 của Bộ Y tế phê duyệt kế hoạch thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số y tế thực hiện Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;  - Kế hoạch số 1190/KH-BYT ngày 10/09/2022 của Bộ Y tế thúc đẩy triển khai thanh toán chi phí dịch vụ khám chữa bệnh không dùng tiền mặt tại các cơ sở y tế đến cuối năm 2022. |
| 2 | Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch hành động phát triển kinh tế số và xã hội số trong y tế | Bộ Y tế | 2022 - 2025 | Bộ Y tế đã ban hành kế hoạch và mục tiêu hành động cụ thể hàng năm và cho cả giai đoạn đến năm 2025:  - 80% các hệ thống thông tin y tế có yêu cầu chia sẻ, kết nối thông tin được kết nối, liên thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu y tế; thông tin của người dân, doanh nghiệp được số hóa và lưu trữ tại cơ sở dữ liệu quốc gia y tế không phải cung cấp lại;  -100% các cơ sở y tế có bộ phận khám chữa bệnh từ xa giúp người dân tiếp cận được dịch vụ khám chữa bệnh có chất lượng hơn, giảm tải cho các cơ sở y tế tuyến trên. Cung cấp dịch vụ hỗ trợ, tư vấn sức khỏe từ xa cho người dân qua ứng dụng di động và các phương tiện công nghệ khác; quản lý được chất lượng các ca tư vấn khám chữa bệnh từ xa và đảm bảo an toàn thông tin bảo vệ dữ liệu cá nhân của người dân; đảm bảo quyền lợi của người dân trong hoạt động tư vấn khám chữa bệnh từ xa. Tích hợp công nghệ số vào dịch vụ theo dõi chăm sóc sức khỏe tại gia đình; theo dõi hàng ngày các chỉ số đo mà không cần thường xuyên đến phòng khám của bác sĩ, không phải đến bệnh viện, không phải xếp hàng, chờ đợi để được khám chữa bệnh; tư vấn sức khỏe 24/7. |
| 3 | Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng hỗ trợ tư vấn khám, chữa bệnh từ xa | Bộ Y tế | 2022 - 2025 | - Bộ Y tế đã ban hành Thông tư số 49/2017/TT-BYT ngày 28/12/2017 quy định về hoạt động y tế từ xa, nhằm tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động y tế từ xa.  - Ngày 08/8/2021, Bộ Y tế và Bộ Thông tin và Truyền thông đã công bố Nền tảng khám chữa bệnh từ xa (Telehealth) kết nối các cơ sở y tế từ tuyến huyện đến tuyến Trung ương. Nền tảng Hỗ trợ tư vấn khám chữa bệnh từ xa bao gồm Hệ thống thông tin quản lý nhà nước về hoạt động tư vấn khám chữa bệnh từ xa, kết nối các hệ thống ứng dụng tư vấn khám chữa bệnh từ xa và đặt lịch khám chữa bệnh. Hỗ trợ tư vấn khám chữa bệnh từ xa giữa cơ sở y tế tuyến trên với tuyến dưới. |
| 4 | Xây dựng và tổ chức triển khai hồ sơ bệnh án điện tử | Bộ Y tế | 2022 - 2025 | - Bộ Y tế đã ban hành Thông tư số 46/2018/TT-BYT và Thông tư số 27/2021/TT-BYT ngày 20/12/2021 quy định kê đơn thuốc bằng hình thức điện tử.  - Đến ngày 16/12/2022, trên cả nước đã có 41 bệnh viện được công nhận triển khai thành công bệnh án điện tử.  - Theo số liệu báo cáo của các Sở Y tế các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương và 33 Bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế và thuộc các trường Đại học Y, Dược, thì tỷ lệ triển khai thanh toán chi phí dịch vụ y tế không dùng tiền mặt tại các cơ sở khám, chữa bệnh như sau:  + 87,9% (29/33) các bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế và thuộc các trường Đại học Y, Dược đã triển khai thanh toán không dùng tiền mặt;  + 63,8% địa phương (Sở Y tế) có số cơ sở khám chữa bệnh đã triển khai thanh toán không dùng tiền mặt đạt tỷ lệ từ 50% trở lên, trong đó có 12 Sở Y tế đạt tỷ lệ 100% các cơ sở khám, chữa bệnh đã triển khai thanh toán không dùng tiền mặt. |
| 5 | Tổ chức triển khai Nền tảng quản lý xét nghiệm thống nhất trên toàn quốc | Bộ Y tế | 2022 - 2025 | - Các hệ thống thống quản lý phòng xét nghiệm đang được triển khai tại các cơ sở y tế trên toàn quốc. Dữ liệu xét nghiệm được quản lý nội bộ tại các cơ sở y tế và hiện nay chưa thực hiện liên thông. |
| 6 | Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng quản lý tiêm chủng thống nhất trên toàn quốc | Bộ Y tế | 2022 - 2025 | - Ngày 24/3/2017, Bộ Y tế tổ chức khai trương và đưa vào vận hành Hệ thống quản lý thông tin tiêm chủng mở rộng Quốc gia. Hệ thống đang được triển khai tại các cơ sở y tế, trung tâm tiêm chủng trên toàn quốc.  - Hiện nay, Bộ Y tế đã phê duyệt kế hoạch nâng cấp từ Nền tảng quản lý tiêm chủng Covid-19, kết nối liên thông dữ liệu với các hệ thống quản lý tiêm chủng dịch vụ khác và ứng dụng Sổ sức khỏe điện tử của người dân để hình thành nền tảng quản lý tiêm chủng thống nhất trên toàn quốc nhằm đảm bảo cung cấp cho người dân công cụ đăng ký, phản ánh, tra cứu thông tin tiêm chủng; Hỗ trợ các cơ sở tiêm chủng triển khai công cụ lập kế hoạch, quản lý vắc xin, thực hiện tiêm và cấp chứng nhận tiêm chủng; Cung cấp số liệu phân bổ vắc xin, số liệu triển khai tiêm phục vụ cho việc quản lý, điều hành chiến dịch tiêm chủng của chính quyền các cấp. |
| 7 | Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng quản lý trạm y tế xã của tất cả các xã trên toàn quốc | Bộ Y tế | 2022 - 2025 | - Bộ Y tế đã ban hành Quyết định số 3532/QĐ-BYT ngày 12/08/2020 về hướng dẫn xây dựng và triển khai hệ thống thông tin quản lý trạm y tế xã, phường, thị trấn và Quyết định số 198/QĐ-BYT ngày 13/01/2021 quy định danh mục chuẩn định dạng dữ liệu kết nối liên thông y tế cơ sở với nền tảng quản lý thông tin y tế cơ sở V20 và đã triển khai thí điểm tại 6 tỉnh: Vĩnh Phúc, Hải Phòng, Cà Mau, Nghệ An, Ninh Bình, An Giang. Trong năm 2023, sẽ triển khai thống nhất trên toàn quốc và hoàn thành kết nối, liên thông dữ liệu với các hệ thống thông tin y tế, cơ sở dữ liệu của các cơ sở y tế tuyến huyện, tuyến tỉnh, Bộ Y tế. |
| 8 | Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng hồ sơ sức khỏe cá nhân | Bộ Y tế | 2022 - 2025 | Nền tảng Hồ sơ sức khỏe điện tử bao gồm ứng dụng Sổ sức khỏe điện tử của người dân kết nối các hệ thống thông tin quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử tại các cơ sở y tế và các kho dữ liệu hồ sơ sức khỏe điện tử tại địa phương, đáp ứng đa dạng các yêu cầu chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân, khám bệnh, chữa bệnh. Thông tin khám chữa bệnh bảo hiểm y tế và khám chữa bệnh khác từ nguồn các cơ sở y tế tại địa phương được làm sạch với CSDL Quốc gia về dân cư và cập nhật thường xuyên trên trên Sổ sức khỏe điện tử của người dân. Nhằm đẩy mạnh triển khai nền tảng hồ sơ sức khỏe, Bộ Y tế đã đề ra lộ trình cụ thể:  - Đến 30/6/2023, hình thành kho dữ liệu hồ sơ sức khỏe điện tử tại 50% các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế;  - Đến trước 31/12/2023, hình thành kho dữ liệu hồ sơ sức khỏe điện tử tại tất cả các tỉnh, thành phố trên cả nước. |
| 9 | Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng hỗ trợ tư vấn sức khỏe trực tuyến | Bộ Y tế | 2022 - 2025 | - Đầu năm 2023, Bộ Y tế sẽ công bố nền tảng hỗ trợ tư vấn sức khỏe trực tuyến với mục tiêu, nhằm cung cấp dịch vụ hỗ trợ, tư vấn sức khỏe từ xa cho người dân qua ứng dụng di động và các phương tiện công nghệ khác; quản lý được chất lượng các ca tư vấn khám chữa bệnh từ xa và đảm bảo an toàn thông tin bảo vệ dữ liệu cá nhân của người dân; đảm bảo quyền lợi của người dân trong hoạt động tư vấn khám chữa bệnh từ xa.  - Nền tảng sẽ tích hợp công nghệ số vào dịch vụ theo dõi chăm sóc sức khỏe tại gia đình; theo dõi hàng ngày các chỉ số đo mà không cần thường xuyên đến phòng khám của bác sĩ, không phải đến bệnh viện, không phải xếp hàng, chờ đợi để được khám chữa bệnh; tư vấn sức khỏe 24/7. Hỗ trợ tư vấn khám chữa bệnh từ xa giữa cơ sở y tế tuyến trên với tuyến dưới. |
| 10 | Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng số kết nối các chuyên gia trong lĩnh vực y tế. Phát triển nền tảng an toàn thực phẩm và nền tảng quản lý môi trường y tế | Bộ Y tế | 2022 - 2025 |  |
| 11 | Tổ chức triển khai đào tạo chuyên ngành về y tế số tại các cơ sở đào tạo đại học, sau đại học trong ngành y tế | Bộ Y tế; Bộ Giáo dục và Đào tạo | 2022 - 2030 | Có 01 cơ sở đào tạo triển khai đào tạo chuyên ngành về chuyển đổi số y tế |
| **III** | **Phát triển kinh tế số, xã hội số trong giáo dục và đào tạo** | | |  |
| 1 | Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch hành động phát triển kinh tế số và xã hội số trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo | Bộ Giáo dục và Đào tạo | 2022 - 2025 |  |
| 2 | Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng số dạy, học trực tuyến, kết nối, phục vụ trực tuyến toàn trình cho công tác giảng dạy - học tập - thi cử | Bộ Giáo dục và Đào tạo | 2022 - 2025 | Trong khuôn khổ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, Bộ GDĐT xây dựng Dự án Triển khai ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục đại học, bao gồm nội dung đầu tư xây dựng nền tảng dạy học trực tuyến mở dùng chung (MOOC) và xây dựng các khóa học trực tuyến ở một nhóm ngành: Kỹ thuật và Công nghệ; Kinh tế; Kinh doanh và quản lý; Khoa học tự nhiên; Thủy sản; Nông nghiệp; Khoa học GDĐT giáo viên. |
| 3 | Tìm kiếm và thúc đẩy ứng dụng sản phẩm, dịch vụ của các doanh nghiệp công nghệ giáo dục (Edtech) | Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Thông tin và Truyền thông | 2022 - 2025 | Bộ GDĐT xây dựng Dự án Triển khai ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục đại học, bao gồm nội dung đầu tư xây dựng nền tảng dạy học trực tuyến mở dùng chung (MOOC) và xây dựng các khóa học trực tuyến ở một nhóm ngành: Kỹ thuật và Công nghệ; Kinh tế; Kinh doanh và quản lý; Khoa học tự nhiên; Thủy sản; Nông nghiệp; Khoa học GDĐT giáo viên.  Hiện nay, Bộ Giáo dục và Đào tạo đang hoàn thiện các thủ tục đầu tư, dự kiến hoàn thành các dự án trong năm 2023.  Dự án 2: Nâng cao năng lực quản trị điều hành và tổ chức chuyển đổi số trong dạy học trong cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông.  Dự án 3: Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong dạy, học tại các cơ sở giáo dục đại học. |
| 4 | Tổ chức triển khai đào tạo chuyên ngành về giáo dục và đào tạo số tại các cơ sở đào tạo đại học, sau đại học trong ngành giáo dục và đào tạo | Bộ Giáo dục và Đào tạo | 2022 - 2030 | Bộ Giáo dục và Đào tạo đã rà soát và ban hành Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học theo đó có bổ sung một số ngành mới: Khoa học dữ liệu, Trí tuệ nhân tạo ở các trình độ của giáo dục đại học.  Bộ Giáo dục và Đào tạo đang triển khai xây dựng chuẩn chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học khối ngành Máy tính và công nghệ thông tin, khối ngành kỹ thuật – công nghệ theo đó sẽ nghiên cứu đưa những yêu cầu chuẩn đầu ra và nội dung về điện toán đám mây (Cloud Computing), Internet vạn vật (IoT), thực tế ảo/thực tế tăng cường (VR/AR), chuỗi khối (Blockchain), in ba chiều (3D Printing) cũng như chỉ đạo các cơ sở giáo dục đại học rà soát chương trình đào tạo, phát triển một số định hướng/chuyên ngành hoặc bổ sung những nội dung này vào chương trình đào tạo của trường. |
| **IV** | **Phát triển kinh tế số, xã hội số trong lĩnh vực lao động, việc làm và an sinh xã hội** | | |  |
| 1 | Xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch hành động phát triển kinh tế số và xã hội số trong lĩnh vực lao động, việc làm và an sinh xã hội | Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội | 2022 - 2025 |  |
| 2 | Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng dữ liệu số về lao động, việc làm và an sinh xã hội. Hình thành nền tảng hợp đồng lao động điện tử và thúc đẩy người lao động và tổ chức sử dụng lao động thực hiện ký kết hợp đồng lao động điện tử. Xây dựng và tổ chức triển khai sổ lao động điện tử cho người lao động | Bộ LĐ - TB và XH | 2022 - 2025 |  |
| 3 | Tổ chức triển khai đào tạo chuyên ngành về chuyển đổi số tại các cơ sở đào tạo đại học, sau đại học trong ngành Lao động - Thương binh và Xã hội | Bộ LĐ - TB và XH; Bộ Giáo dục và Đào tạo | 2022 - 2030 |  |
| **V** | **Phát triển kinh tế số thương mại, công nghiệp và năng Iượng** | | |  |
| **V.1** | **Thương mại** | | |  |
| 1 | Tổ chức triển khai Kế hoạch tổng thể phát triển thương mại điện tử quốc gia theo các giai đoạn | Bộ Công Thương | 2022 - 2025 |  |
| 2 | Quản lý, giám sát hoạt động của các nền tảng thương mại điện tử; chống hàng gian, hàng giả và bảo vệ người tiêu dùng trong các giao dịch thương mại điện tử trực tuyến | Bộ Công Thương | 2022 - 2025 |  |
| 3 | Xây dựng và tổ chức triển khai Chương trình thúc đẩy thương mại điện tử tại các vùng nông thôn có tiềm năng phát triển dựa trên các nền tảng thương mại số của Việt Nam | Bộ Công Thương | 2022 - 2030 |  |
| 4 | Hỗ trợ người dân đưa sản phẩm dịch vụ của mình lên các sàn thương mại điện tử để mỗi một người dân là một doanh nhân | Bộ Công Thương; Bộ TT&TT | 2022 - 2025 |  |
| 5 | Phát triển nền tảng thương mại điện tử thông qua chuỗi giá trị | Bộ Công Thương | 2022 - 2025 |  |
| 6 | Đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử hỗ trợ các ngành hàng xuất khẩu chủ lực, mở rộng tiêu thụ cho hàng hóa nội địa và thúc đẩy phát triển thương mại điện tử tại các địa phương | Bộ Công Thương | 2022 - 2025 |  |
| 7 | Tăng cường xây dựng hệ thống hạ tầng và dịch vụ nhằm hỗ trợ phát triển thương mại điện tử | Bộ Công Thương | 2022 - 2025 |  |
| 8 | Tổ chức triển khai đào tạo chuyên ngành về thương mại điện tử tại các cơ sở đào tạo đại học, sau đại học trong ngành công thương | Bộ Công Thương; Bộ GD và ĐT | 2022 - 2030 |  |
| **V.2** | **Công nghiệp và Năng lượng** | | |  |
| 1 | Hoàn thiện hành lang, hệ thống pháp lý tạo thuận lợi cho việc thúc đẩy phát triển kinh tế số công nghiệp | Bộ Công Thương | 2022 - 2024 |  |
| 2 | Xây dựng và tổ chức triển khai cơ chế điều phối hoạt động hỗ trợ chuyển đổi số cho các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp | Bộ Công Thương | 2022 - 2025 |  |
| 3 | Xây dựng và tổ chức triển khai nền tảng số kết nối doanh nghiệp sản xuất với các chuyên gia công nghệ và các nhà cung cấp giải pháp chuyên nghiệp | Bộ Công Thương | 2022 - 2025 |  |
| 4 | Xây dựng các chỉ tiêu thống kê và tổ chức khảo sát định kỳ đánh giá mức độ sẵn sàng của các doanh nghiệp công nghiệp về chuyển đổi số sang mô hình nhà máy thông minh | Bộ Công Thương | 2022 - 2025 |  |
| 5 | Xây dựng và hình thành các trung tâm/viện nghiên cứu về công nghệ phục vụ sản xuất, chú trọng đến việc chuyển đổi số đối với các công nghệ nguồn, công nghệ lõi của ngành sản xuất, chế biến chế tạo | Bộ Công Thương | 2022 - 2025 |  |
| 6 | Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch hành động phát triển kinh tế số và xã hội số trong lĩnh vực năng lượng | Bộ Công Thương | 2022 - 2024 |  |
| 7 | Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch phát triển lưới điện thông minh tại Việt Nam | Bộ Công Thương | 2022 - 2025 |  |
| 8 | Tổ chức triển khai đào tạo chuyên ngành về sản xuất thông minh, chuyển đổi số trong lĩnh vực năng lượng tại các cơ sở đào tạo đại học, sau đại học trong ngành công thương | Bộ Công Thương; Bộ Giáo dục và Đào tạo | 2022 - 2030 |  |
| **VI** | **Phát triển kinh tế số văn hóa thể thao du lịch** | | |  |
| 1 | Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch hành động phát triển kinh tế số và xã hội số trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | 2022 - 2025 | Bộ trưởng Bộ VHTTDL đã ban hành các văn bản quy định cho nhiệm vụ này, tuy nhiên, chưa ban hành Kế hoạch triển khai Chiến lược theo Quyết định số 411/QĐ-TTg:  - Quyết định số 1403/QĐ-BVHTTDL ngày 17/6/2022 về việc ban hành kế hoạch phát triển Nền tảng quản trị và kinh doanh du lịch năm 2022;  - Quyết định số 172/QĐ-BVHTTDL ngày 25/01/2022 về việc ban hành Kế hoạch phát triển du lịch số giai đoạn 2021-2025;  - Quyết định số 3570/QĐ-BVHTTDL ngày 21/12/2022 về việc phê duyệt Đề án “Ứng dụng công nghệ của công nghiệp 4.0 để phát triển du lịch thông minh, thúc đẩy du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn”;  - Quyết định số 172/QĐ-BVHTTDL ngày 25/01/2022 về việc ban hành Kế hoạch phát triển du lịch số giai đoạn 2021-2025;  - Quyết định số 3570/QĐ-BVHTTDL ngày 21/12/2022 về việc phê duyệt Đề án “Ứng dụng công nghệ của công nghiệp 4.0 để phát triển du lịch thông minh, thúc đẩy du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn” |
| 2 | Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng dữ liệu số du lịch | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | 2022 - 2025 | Đang triển khai xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng dữ liệu số du lịch trong đó cơ quan nhà nước đóng vai trò dẫn dắt, doanh nghiệp du lịch đóng vai trò nòng cốt và khách du lịchtham gia tích cực trong việc thu thập, chuẩn hóa, mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ hoạch định chính sách, lập kế hoạch kinh doanh, tối ưu hóa, cải thiện chất lượng dịch vụ và đưa ra các gói ưu đãi cho khách du lịch. Điều tra, đánh giá, phân loại và số hóa tài nguyên du lịch, cập nhật thường xuyên thông tin, dữ liệu số về khu du lịch, điểm du lịch, cơ sở dịch vụ du lịch, thị trường du lịch Việt Nam. |
| 3 | Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng du lịch số, quản trị và kinh doanh du lịch | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | 2022 - 2025 | Đang triển khai xây dựng và tổ chức triển khai nền tảng quản trị và kinh doanh du lịch, phục vụ chuyển đổi số cho các doanh nghiệp du lịch, kết nối doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ du lịch trong nước với các nhàphân phối, đại lý du lịch trực tuyến và các sàn giao dịch du lịch trực tuyến lớn, hỗ trợ doanh nghiệp du lịch kết nối, đổi mới sáng tạo trong hoạt động kinh doanh du lịch, tạo ra các gói du lịch hấp dẫn cho từng phân khúc khách du lịch. Phát triển hệ sinh thái du lịch thông minh; ứng dụng công nghệ số để kết nối nhằm hỗ trợ và tăng trải nghiệm cho khách du lịch; mở rộng năng lực cung cấp dịch vụ kết hợp giữa kênh thực và kênh số; sử dụng tối đa các giao dịch điện tử trong hoạt động du lịch; ứng dụng công nghệhiện đại vào phát triển các phần mềm, tiện ích thông minh hỗ trợ công tác quản lý và phục vụ khách du lịch |
| 4 | Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng mô hình hóa đa chiều phục vụ phát triển bảo tàng số, du lịch số | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | 2022 - 2025 | Đang triển khai, Xây dựng mạng lưới hệ thống bảo tàng số, kết nối, chia sẻ tài nguyên tri thức từ hệ thống tư liệu tại các bảo tàng trên cả nước. |
| 5 | Tổ chức triển khai đào tạo chuyên ngành về du lịch thông minh, chuyển đổi số trong lĩnh vực du lịch tại các cơ sở đào tạo đại học, sau đại học trong ngành du lịch | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Giáo dục và Đào tạo | 2022 - 2030 | Bộ trưởng Bộ VHTTDL đã ban hành Quyết định số 3570/QĐ-BVHTTDL ngày 21/12/2022 phê duyệt Đề án “Ứng dụng công nghệ của công nghiệp 4.0 để phát triển du lịch thông minh, thúc đẩy du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn” và xây dựng dự thảo “Chương trình chuyển đổi số trong các cơ sở đào tạo trực thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030” để triển khai nhiệm vụ này |
| **VII** | **Phát triển kinh tế số Tài nguyên và Môi trường** | | |  |
| 1 | Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch hành động phát triển kinh tế số và xã hội số trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường, phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn | Bộ Tài nguyên và Môi trường | 2022 - 2025 |  |
| 2 | Xây dựng và tổ chức triển khai hạ tầng số, nền tảng dữ liệu số ngành tài nguyên và môi trường, ưu tiên xây dựng nền tảng dữ liệu đất đai quốc gia, bản đồ số quốc gia | Bộ Tài nguyên và Môi trường | 2022 - 2025 |  |
| 3 | Xây dựng, trình ban hành và tổ chức triển khai Chiến lược tổng thể tài nguyên số trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường đến năm 2030 và định hướng đến năm 2035 | Bộ Tài nguyên và Môi trường | 2022 - 2025 |  |
| 4 | Mở mới, triển khai đào tạo chuyên ngành về khoa học dữ liệu, chuyển đổi số tài nguyên và môi trường tại các cơ sở đào tạo đại học, sau đại học trong ngành tài nguyên và môi trường | Bộ Tài nguyên và Môi trường | 2022 - 2030 |  |
| **VIII** | **Phát triển kinh tế số trong các ngành, lĩnh vực, địa phương** | | |  |
| 1 | Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch hành động phát triển kinh tế số và xã hội số trong ngành, lĩnh vực, địa phương | Các bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | 2022 - 2025 | 02/22 bộ, ngành, 28/63 địa phương đã ban hành kế hoạch hành động triển khai Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; |
| 2 | Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng dữ liệu số ngành, lĩnh vực, địa phương | Các bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương | 2022 - 2025 | Đang thực hiện, đã đưa vào sử dụng 1 phần.  - Bộ GTVT đã tập trung xây dựng 4 bộ CSDL nền tảng dùng chung, gồm: CSDL kết cấu hạ tầng giao thông, CSDL phương tiện, CSDL người điều khiển phương tiện và CSDL doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực GTVT làm nền tảng hình thành CSDL quốc gia về giao thông vận tải. Đến nay, đã hoàn thành xây 2 dựng CSDL đăng kiểm phương tiện, CSDL đăng ký tàu biển và CSDL thuyền viên.  - Bộ VHTTDL đang triển khai xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng dữ liệu số du lịch. |
| 3 | Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng số chuyên ngành, nền tảng quản trị và kinh doanh theo từng lĩnh vực phục vụ chuyển đổi số cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trong ngành, lĩnh vực, địa phương | Các bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương | 2022 - 2025 |  |
| 4 | Tổ chức triển khai đào tạo kỹ năng số chuyên ngành cho lực lượng lao động trong ngành, lĩnh vực, địa bàn | Các bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương | 2022 - 2030 |  |
| **C** | **CÁC GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ VÀ XÃ HỘI SỐ** | | |  |
| **I** | **Tổ chức, bộ máy, mạng lưới** | | |  |
| 1 | Tổ chức hiệu quả hoạt động của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số do Thủ tướng Chính phủ làm Chủ tịch, Bộ Thông tin và Truyền thông là cơ quan thường trực, thống nhất điều phối quốc gia một cách đồng bộ về phát triển Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số | Bộ Thông tin và Truyền thông | 2022 - 2030 | Bộ TTTT đã tổ chức 03 phiên họp của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số (tháng 4, tháng 8 và tháng 12/2022). Ngày 25/02/2023, Bộ TTTT đã tổ chức Phiên họp lần thứ 5 của Ủy ban, báo cáo Ủy ban về dự thảo Kế hoạch hoạt động của Ủy ban năm 2023. Bộ TTTT cũng đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 28/02/2023 về việc bổ sung, kiện toàn thành viên Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số. Các phiên họp của Ủy ban được Thủ tướng Chính phủ, các thành viên ủy ban và các bộ, ngành, địa phương đánh giá cao về nội dung, chất lượng mỗi phiên họp. |
| 2 | Kiện toàn và tổ chức hiệu quả hoạt động Ban chỉ đạo chuyển đổi số của các bộ, các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương do người đứng đầu làm Trưởng ban, cơ quan thường trực là đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin/chuyển đổi số (đối với Bộ, Cơ quan trung ương) hoặc Sở Thông tin và Truyền thông (đối với địa phương) | Các bộ, cơ quan trung ương và các địa phương | 2022 - 2023 |  |
| 3 | Tổ chức các Tổ công nghệ số cộng đồng đến từng khối phố, thôn, bản | Các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương |  | Ngày 05/3/2022, Bộ TTTT đã ban hành Văn bản số 793/BTTTT-THH gửi UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hướng dẫn thí điểm triển khai Tổ công nghệ số cộng đồng tại các địa phương. Đến nay, 63/63 địa phương đã triển khai tổng cộng 71.836 Tổ công nghệ số cộng đồng với 334.986 thành viên tham gia. Các thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng được tập huấn, hướng dẫn về kỹ năng số thông qua Nền tảng học trực tuyến mở đại của Bộ Thông tin và Truyền thông (tại địa chỉ https://onetouch.mic.gov.vn) để tiếp tục hướng dẫn cho người dân tại địa bàn. |
| 4 | Rà soát, sửa đổi, bổ sung chức năng, nhiệm vụ của Bộ Thông tin và Truyền thông và các bộ, ngành, địa phương phù hợp với nội hàm quản lý, thúc đẩy chuyển đổi số, chính phủ số, kinh tế số, xã hội số | Bộ Nội vụ; Bộ TT&TT | 2022 - 2024 | Nghị định 48/2022/NĐ-CP |
| 5 | Tổ chức, phân công đơn vị là đầu mối chủ trì, chịu trách nhiệm triển khai, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông trong thực hiện Chiến lược | Các bộ, ngành | 2022 - 2023 | Kết quả ghi nhận được 11/22 bộ, 45/63 địa phương đã tổ chức thực hiện Chiến lược và gửi báo cáo kết quả về Bộ Thông tin và Truyền thông tổng hợp. |
| **II** | **Hợp tác trong nước về phát triển kinh tế số, xã hội số** | | |  |
| 1 | Đẩy mạnh hợp tác giữa Bộ Thông tin và Truyền thông và từng bộ, ngành liên quan | Bộ TT&TT | 2022 - 2030 | Bộ TTTT đã tổ chức 57 đoàn công tác do Lãnh đạo Bộ chủ trì làm việc với các bộ, ngành, địa phương về chuyển đổi số. Trong đó, 32 đoàn công tác làm việc với các bộ, ngành tại Hà Nội và 25 đoàn công tác làm việc với các địa phương. |
| 2 | Hợp tác giữa cơ quan nhà nước và doanh nghiệp nền tảng số trong việc nghiên cứu, phát triển các nền tảng số xuất sắc, chất lượng cao | Các bộ, ngành | 2022 - 2030 | Tính đến ngày 13/1/2023, i) Số lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận, tham gia chương trình SMEdx: 703.698 doanh nghiệp (tăng 53.698 doanh nghiệp so với lũy kế tính đến tháng 12/2022); (ii) Số lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số SMEdx: 79.259 doanh nghiệp (tăng 2.259 doanh nghiệp so với lũy kế tính đến tháng 12/2022);  Các bộ ngành bổ sung theo chức năng nhiệm vụ. |
| 3 | Hợp tác giữa cơ quan nhà nước và doanh nghiệp nền tảng số trong việc tuyên truyền, phổ biến, tập huấn kỹ năng số cho người dân thông qua việc sử dụng nền tảng số | Các bộ, ngành | 2022 - 2030 | Bộ Thông tin và Truyền thông đã kêu gọi, khuyến khích và hợp tác với khoảng 60 doanh nghiệp nền tảng số triển khai sự kiện ngày chuyển đổi số quốc gia (10.10) nhằm nâng cao nhận thức của người dân toàn xã hội về vai trò, ý nghĩa và lợi ích của chuyển đổi số; thúc đẩy sự tham gia, vào cuộc của cả hệ thống chính trị, toàn dân trong công cuộc chuyển đổi số của đất nước, thúc đẩy việc phổ biến, tiêu dùng các dịch vụ, sản phẩm số. Ngoài Bộ Thông tin và Truyền thông, đã có 02 Bộ, ngành lựa chọn ngày chuyển đổi số của ngành tham gia chương trình này.  Bộ Thông tin và Truyền thông đã tuyển chọn 15 nền tảng xuất sắc của các doanh nghiệp đăng tải trên cổng congdanso.mic.gov.vn để giới thiệu, phổ biến đến người dân và triển khai các khóa học miễn phí về nâng cao kiến thức, kỹ năng số thông qua nền tảng MOOCs. |
| **III** | **Hợp tác quốc tế về phát triển kinh tế số, xã hội số** | | |  |
| 1 | Hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài trong việc thu hút nguồn lực, tri thức, chuyển giao công nghệ số vào Việt Nam | Các bộ, ngành, địa phương | 2022 - 2030 | Bộ Ngoại giao thúc đẩy hợp tác quốc tế về kinh tế số, xã hội số với các nước:  - Thụy Sỹ: Việt Nam và Thụy Sỹ đã nhất trí thúc đẩy nâng cấp Bản ghi nhớ về Khoa học Công nghệ thành Hiệp định liên Chính phủ về Đổi mới sáng tạo, hướng tới thiết lập khuôn khổ Đối tác về Đổi mới sáng tạo. Hiện Thụy Sỹ có 5 trường Đại học nghiên cứu hàng đầu, sẵn sàng hỗ trợ kết nối hợp tác với các trường Đại học của Việt Nam và mong muốn nâng cao hiệu quả Quỹ học bổng của Thụy Sỹ dành cho Việt Nam.  - Hoa Kỳ: Tiếp tục trao đổi, rà soát với Hoa Kỳ để thúc đẩy xử lý các vấn đề còn vướng mắc về thương mại số, dịch vụ trong khuôn khổ Hiệp định khung về Thương mại và Đầu tư (TIFA); tiếp tục đề nghị Chính phủ Hoa Kỳ khuyến khích các doanh nghiệp Hoa Kỳ đầu tư vào các lĩnh vực Hoa Kỳ có thế mạnh và cũng là ưu tiên của Việt Nam như cơ sở hạ tầng, thương mại số, chuyển đổi số; tiếp tục đề nghị Chính phủ Hoa Kỳ hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực.  - Canada: Tiếp tục vận động Canada tăng cường hợp tác với Việt Nam trong lĩnh vực thương mại điện tử, chuyển đổi số, xây dựng chính phủ điện tử; chủ động lồng ghép nội dung liên quan đến hợp tác trong lĩnh vực này vào kiến nghị phát biểu của Lãnh đạo cấp cao trong trao đổi, tiếp xúc với lãnh đạo Canada.  - Peru: Vận động Chính phủ Peru xem xét đề xuất của Viettel về việc cung cấp các giải pháp chuyến đổi số cho Chính phủ và các Bộ/ngành của Peru (Chính phủ điện tử, đô thị thông minh, giao thông thông minh, y tế, giáo dục...).  - Trung Quốc: Tích cực thúc đẩy nội dung hợp tác về khoa học công nghệ, chuyển đổi số, kinh tế số vào các chuyến thăm, các cuộc tiếp xúc của Lãnh đạo cấp cao và văn kiện chung giữa hai nước như chuyến thăm chính thức Trung Quốc của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng (30/10 - 01/11/2022), Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính gặp Thủ tướng Trung Quốc Lý Khắc Cường dịp dự Hội nghị cấp cao ASEAN (11/2022), Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Văn Thành phát biểu ghi hình tại Lễ khai mạc Hội chợ CAEXPO lần thứ 18 (10/9/2021) \*.  - Nhật Bản: Chủ động đưa vào kiến nghị phát biểu của Lãnh đạo cấp cao ta với Lãnh đạo cấp cao, doanh nghiệp Nhật Bản nội dung về hợp tác chuyển đổi số, đổi mới công nghệ; Nhật Bản sẵn sàng tăng cường hợp tác chuyển đổi số, xây dựng Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số; thể hiện quan tâm về Đề án chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025; khẳng định sẽ hỗ trợ 100 dự án khởi nghiệp giữa doanh nghiệp Nhật Bản và doanh nghiệp các nước ASEAN trong 2 năm tới; chính phủ Nhật Bản đã tài trợ cho ta trang thiết bị phần cứng Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ  - Hàn Quốc: Lồng ghép nội dung về đề nghị tăng cường hợp tác khoa học công nghệ hướng tới CMCN 4.0, chuyển đổi số, kinh tế số vào các cuộc tiếp xúc, gặp gỡ, điện đàm, trao đổi đoàn giữa Lãnh đạo cấp cao hai nước.  Hàn Quốc đã cung cấp hỗ trợ kỹ thuật, cử chuyên gia giúp Việt Nam tăng cường năng lực về KHCN trên nhiều lĩnh vực như công nghệ cao, ứng dụng và phát triển công nghệ, tiêu chuẩn, đo lường, sở hữu trí tuệ, năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân, chính sách, thông tin và thống kê KHCN; hai bên cũng phối hợp thực hiện nhiều đề tài hợp tác nghiên cứu chung từ nguồn vốn đồng hỗ trợ (phía Việt Nam là Bộ KHCN Việt Nam, từ phía Hàn Quốc là Bộ KHCN và TTTT Hàn Quốc) hoặc các nguồn vốn khác. |
| 2 | Chủ động, tích cực tham gia các tổ chức quốc tế, các sáng kiến về kinh tế số, xã hội số, xây dựng các khuôn khổ pháp lý, tiêu chuẩn, nguyên tắc quốc tế mới về công nghệ số | Các bộ, ngành, địa phương | 2022 - 2030 | Hợp tác trong lĩnh vực ngân hàng  \* Về hợp tác với các tổ chức song phương  Trong năm 2022, NHNN tiếp tục tăng cường khuôn khổ hợp tác với NHTW và cơ quan quản lý tiền tệ các nước, đồng thời xúc tiến đàm phán thống nhất các thỏa thuận hợp tác nhằm đẩy mạnh hợp tác song phương giữa Việt Nam với các nước trong lĩnh vực chuyển đổi số ngành ngân hàng. Trong đó nổi bật là hoạt động của Nhóm công tác chung giữa NHNN và NHTW Thái Lan về hợp tác kết nối thanh toán song phương trong lĩnh vực bán lẻ sử dụng công nghệ mã phản ứng nhanh (QR code)16. Đồng thời, ngày 8/11/2022, NHNN và Ngân hàng quốc gia Campuchia đã ký kết Bản ghi nhớ về hợp tác trong lĩnh vực đổi mới tài chính, triển khai kết nối thanh toán bán lẻ song phương giữa hai nước sử dụng mã QR, góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động trao đổi của thương nhân và nhân dân hai nước. Bên cạnh đó, NHNN đã tích cực tham gia vào các diễn đàn, ủy ban hợp tác song phương, ủy ban hỗn hợp của Chính phủ, kiến nghị các biện pháp nhằm tăng cường hợp tác giữa Việt Nam và các nước trong lĩnh vực chuyển đổi số ngân hàng, phát huy vai trò cầu nối thúc đẩy hoạt động công nghệ tài chính và ngân hàng số.  \* Về hợp tác với các tổ chức đa phương  Thực hiện chỉ đạo của các Thống đốc NHTW ASEAN về việc thiết kế một nền tảng/hạ tầng kỹ thuật chung về thanh toán đa phương, trên cương vị đồng chủ trì Nhóm công tác về hệ thống thanh toán ASEAN, NHNN đã chủ động thúc đẩy triển khai các sáng kiến về thanh toán theo hướng dành ưu tiên cao cho việc hợp tác nghiên cứu/trao đổi về khả năng kết nối thanh toán xuyên biên giới trong khu vực. Trong quan hệ hợp tác với Ngân hàng Thanh toán Quốc tế (BIS), kể từ khi chính thức trở thành thành viên của BIS, NHNN đã tích cực tham gia các hoạt động trong khuôn khổ Trung tâm Đổi mới sáng tạo BIS (BIS Innovation Hub – BISIH). Trong BISIH, NHNN đã tham gia Mạng lưới Đổi mới sáng tạo BIS (BIS Innovation Network – BISIN), các nhóm công tác về tiền kỹ thuật số của NHTW (CBDC), tài chính mở (open finance), ứng dụng công nghệ trong quản lý hệ thống tài chính, và an ninh, an toàn và bảo mật trên không gian mạng. Đặc biệt, trong năm nay, NHNN đã hoàn tất việc ký thỏa thuận tham gia dự án mBridge về đồng tiền kỹ thuật số NHTW (CBDC) với vai trò quan sát viên. Ngoài ra, trong bối cảnh “công nghệ tài chính” trở thành chủ đề được quan tâm hàng đầu ở các diễn đàn quốc tế, tháng 3/2022, các Thống đốc NHTW BIS cũng đã nhóm họp để bàn về “Cơ hội, rủi ro và hàm ý chính sách của tài chính phi tập trung” |
| 3 | Thực thi nghiêm túc, hiệu quả các cam kết quốc tế, trong đó có các cam kết liên quan đến kinh tế số, thương mại số và đặc biệt là trong xây dựng Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) và các hiệp định thương mại tự do (FTA) mà Việt Nam là thành viên | Các bộ, ngành, địa phương | 2022 - 2030 |  |
| **IV** | **Nghiên cứu, phát triển về kinh tế số và xã hội số** | | |  |
| 1 | Thúc đẩy nghiên cứu, phát triển, ứng dụng các công nghệ số mới, kết hợp với các công nghệ mở, mã nguồn mở để phát triển các nền tảng số quốc gia, nền tảng số ngành | Bộ Khoa học và Công nghệ | 2022 - 2030 |  |
| 2 | Xây dựng và triển khai các chương trình nghiên cứu, ứng dụng các công nghệ số mới để tạo ra những nền tảng, sản phẩm, dịch vụ số mang đặc thù Việt Nam | Bộ Khoa học và Công nghệ | 2022 - 2030 | Bộ KH&CN đang triển khai các chương trình KH&CN trọng điểm cấp quốc gia trong đó có ứng dụng các công nghệ số mới để tạo ra những nền tảng, sản phẩm, dịch vụ mang đặc thù Việt Nam, gồm:  - Chương trình KC.01 “Nghiên cứu công nghệ và phát triển sản phẩm công nghệ thông tin phục vụ Chính phủ điện tử” giai đoạn 2016-2020 đã có 26 nhiệm vụ được hình thành góp phần thực hiện nhiệm vụ của các bộ, ngành, địa phương theo chức năng đã được giao tại Nghị quyết 36a về CPĐT; các nhiệm vụ đã góp phần triển khai đồng bộ, hiệu quả các Nghị quyết, Chỉ thị của Bộ Chính trị, các Chương trình, Kế hoạch của Chính phủ, các Nghị quyết của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh phát triển và ứng dụng CNTT phát triển kinh tế số, xã hội số. Chương trình được tiếp tục triển khai giai đoạn 2021 – 2030.  - Chương trình “Hỗ trợ nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ của công nghiệp 4.0”, mã số KC-4.0/19-25 đã được phê duyệt tại Quyết định số 2813/QĐ-BKHCN ngày 27/9/2018 của Bộ trưởng Bộ KH&CN; Chương trình có 51 nhiệm vụ được hình thành góp phần thúc đẩy nghiên cứu ứng dụng, phát triển và chuyển giao một số công nghệ chủ chốt của công nghiệp 4.0 mà Việt Nam có lợi thế để tạo ra các sản phẩm trong sản xuất – kinh doanh và dịch vụ như: y tế, du lịch, tài chính - ngân hàng, nông nghiệp, công nghiệp chế biến và chế tạo, giáo dục - đào tạo và dạy nghề, giao thông, xây dựng, thông tin - truyền thông, tài nguyên - môi trường, quốc phòng, an ninh.  - Ngoài ra, đang triển khai xây dựng khung Chương trình “Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ cơ khí và tự động hóa”, mã số KC 03/21-30; Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao. |
| 3 | Tổ chức tìm kiếm, có chính sách hấp dẫn để chiêu mộ những chuyên gia hàng đầu về công nghệ số mới, công nghệ lõi, nền tảng số ở trong nước và nước ngoài về Việt Nam nghiên cứu phát triển, đầu tư kinh doanh. Thúc đẩy mạnh mẽ khởi nghiệp sáng tạo về kinh tế số, đặc biệt là kinh tế số nền tảng và kinh doanh trực tuyến trên toàn quốc | Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ TT&TT; Bộ Kế hoạch và Đầu tư | 2022 - 2030 | a) Bộ KH&CN đã xây dựng nhiệm vụ “Tổ chức tìm kiếm, xây dựng chính sách hấp dẫn để chiêu mộ những chuyên gia hàng đầu về công nghệ số mới, công nghệ lõi, nền tảng số trong nước và nước ngoài về Việt Nam nghiên cứu phát triển, đầu tư kinh doanh” trong giai đoạn 2022 – 2025.  - Trên thực tế hiện nay, chưa có cơ chế, chính sách ưu đãi riêng, cụ thể đối với các chuyên gia, nhà khoa học, nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực công nghệ số mới, công nghệ lõi, nền tảng số. Tuy nhiên, trực tiếp liên quan đến chính sách khuyến khích, hỗ trợ, tạo điều kiện cho các nhà khoa học, có thể kể đến một số văn bản đã được ban hành và tổ chức thực hiện, bước đầu góp phần động viên, khích lệ cán bộ khoa học, như: Nghị định số 40/2014/NĐ-CP, Nghị định số 87/2014/NĐ-CP, Nghị định số 27/2020/NĐ-CP, Quyết định số 2395/QĐ-TTg và các Thông tư hướng dẫn thi hành. Đây là các văn bản đầu tiên quy định tương đối đầy đủ các chính sách ưu đãi dành cho cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ, chính sách trọng dụng đặc biệt đối với nhóm nhân lực trình độ cao, có tài năng trong lĩnh vực khoa học và công nghệ. Theo các văn bản này đã có một số quy định ưu đãi, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ có thành tích xuất sắc, chính sách đặc thù đối với nhà khoa học đầu ngành, nhà khoa học được giao chủ trì nhiệm vụ khoa; học và công nghệ cấp quốc gia đặc biệt quan trọng, nhà khoa học trẻ tài năng; theo đó, những đối tượng này được tạo điều kiện về mọi mặt để phát huy tài năng của mình (về điều kiện làm việc, về chế độ đãi ngộ…).  - Bên cạnh đó, cơ chế quỹ với hoạt động của Quỹ Phát triển KH&CN quốc gia trong những năm gần đây đã có những đóng góp tích cực trong việc tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà khoa học trong lĩnh vực nghiên cứu cơ bản với những đổi mới về phương thức tài trợ, hỗ trợ cho hoạt động nghiên cứu khoa học. Đồng thời, sự tôn vinh đối với các cá nhân hoạt động KH&CN có thành tích xuất sắc ngày càng được chú trọng hơn thông qua các sự kiện tiêu biểu như: Thủ tướng Chính phủ gặp mặt các nhà khoa học trẻ, xét chọn và trao giải thưởng Tạ Quang Bửu hàng năm nhằm khích lệ và tôn vinh các nhà khoa học có thành tựu nổi bật trong nghiên cứu cơ bản thuộc các lĩnh vực khoa học tự nhiên và kỹ thuật, ngoài ra còn một số giải thưởng uy tín như: Giải thưởng Sinh viên nghiên cứu khoa học, Giải thưởng Tài năng khoa học trẻ Việt Nam, Giải thưởng Khoa học kỹ thuật thanh niên “Quả Cầu Vàng”...  b) Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia) đã thực hiện một số hoạt động như sau:  - Triển khai nghiên cứu ban đầu về một số cơ chế, chính sách mới liên quan đến hỗ trợ đổi mới sáng tạo như: cơ chế gọi vốn cộng đồng (crowd-funding), thành lập và hoạt động của các trung tâm đổi mới sáng tạo, cơ chế chia sẻ phòng thí nghiệm (Lab-sharing), cơ chế đổi mới sáng tạo mở (open innovation)…  - Tổng hợp, nghiên cứu thực tiễn quốc tế và đề xuất các chính sách cho cơ chế gọi vốn cộng đồng khởi nghiệp tại Việt Nam.  - Hợp tác xây dựng các chương trình hỗ trợ đổi mới sáng tạo với các đối tác nước ngoài như: Google, Amazon, Meta; Đại học Quốc gia Singapore, Đại học công nghệ Nanyang; các Quỹ đầu tư: Binance, Cypher, Greylock, Sequoia, Golden Gate Ventures.  - Hỗ trợ thành lập Mạng lưới Đổi mới sáng tạo Việt Nam tại 02 địa bàn: Bờ Đông và Bờ Tây Hoa Kỳ tháng 5/2022. Đến nay, Mạng lưới đã phát triển được 08 Mạng lưới thành phần với gần 1500 thành viên. Trong năm 2022, Trung tâm cũng đã phối hợp với các Mạng lưới thành phần tổ chức nhiều hoạt động trao đổi, kết nối, tọa đàm có tính chuyên môn sâu như: Hội thảo quốc tế về Nông nghiệp thông minh 2022.  - Phối hợp cùng Tập đoàn Google để xây dựng chương trình Google hỗ trợ cho doanh nghiệp khởi nghiệp (Google for Startups).  - Phối hợp cùng Tập đoàn Google để xây dựng chương trình học bổng phát triển Nhân tài số đến các cơ sở giáo dục đào tạo và doanh nghiệp. |
| 4 | Rà soát, sửa đổi quy định, chính sách để khuyến khích tất cả các doanh nghiệp trích lập 10% thu nhập tính thuế cho Quỹ khoa học công nghệ của doanh nghiệp, đồng thời được phép sử dụng Quỹ này để thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số doanh nghiệp | Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Tài chính | 2022 - 2025 | - Bộ Tài chính phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng Thông tư số 67/2022/TT-BTC ngày 07/11/2022 hướng dẫn về nghĩa vụ thuế khi doanh nghiệp trích lập và sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp có hiệu lực thi hành kể từ ngày 23/12/2022.  - Bộ KHCN ban hành Thông tư số 05/2022/TT-BKHCN ngày 31/5/2022 hướng dẫn sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp.  - Đối với số liệu về tình hình sử dụng Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp: Việc báo cáo trích lập, điều chuyển và sử dụng Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp được tổng hợp theo niên độ (với độ trễ là 01 năm) và được báo cáo về Bộ Tài chính (qua Tổng cục thuế)2. Theo số liệu Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế) cung cấp, trong năm 2021, số liệu về trích lập Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp là 3.368 tỷ đồng; số đã sử dụng là 3.385 tỷ đồng. |
| 5 | Xây dựng các khu nghiên cứu phát triển, thử nghiệm, ươm tạo, hỗ trợ khởi nghiệp phát triển kinh tế số | Bộ KH&CN; Bộ KH&ĐT; Bộ TT&TT | 2022 - 2025 | Đã thực hiện nghiên cứu, xây dựng thí điểm các khu nghiên cứu phát triển, thử nghiệm, ươm tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo phát triển kinh tế số theo mô hình tiên tiến của thế giới; Phát triển mạng lưới các tổ chức trung gian về chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo. Cụ thể Bộ KH&CN đã hỗ trợ xây dựng kế hoạch, hình thành, đưa vào hoạt động 01 Điểm kết nối cung cầu công nghệ tại Thừa Thiên Huế (ngày 18/5/2022) và hỗ trợ xây dựng kế hoạch thành lập 02 Điểm kết nối cung cầu tại 02 tỉnh Lâm Đồng, Long An.  Đến nay Bộ đã hỗ trợ hình thành và vận hành 14 Điểm kết nối cung cầu công nghệ phân bố trên 5 vùng, 12 tỉnh thành (gồm: Hà Nội, Nghệ An, Đắk Lắk, Thừa Thiên Huế, Phú Yên, Cần Thơ, Hải Phòng, Thái Nguyên, Gia Lai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Thừa Thiên Huế, Vĩnh Long và Đại học Nguyễn Tất Thành - TP. Hồ Chí Minh); Tổ chức sự kiện Techconnect and Innovation Vietnam 2022: Sự kiện diễn ra từ ngày 07-10/12/2022 tại TP.HCM, một trong những mục tiêu lớn của sự kiện đó là trình diễn những xu hướng công nghệ mới qua đó giúp định hướng đầu tư và phát triển theo ngành và lĩnh vực. Hình thành và phát triển mạng lưới kết nối công nghệ và đổi mới sáng tạo; kết nối doanh nghiệp với thị trường, đối tác trong nước và quốc tế để giải quyết các vấn đề về kỹ thuật, công nghệ tại địa phương; kết nối các nhà đầu tư với các nhóm nghiên cứu, doanh nghiệp; kết nối Doanh nhân và Nhà đầu tư với cộng đồng doanh nghiệp đổi mới sáng tạo trong nông nghiệp trên thế giới nhằm mang lại lợi ích cho các bên. |
| 6 | Đầu tư nghiên cứu, xây dựng và chuyển giao các mô hình kinh doanh mới, mô hình mẫu về chuyển đổi số, kinh tế số; xây dựng các doanh nghiệp chuyển đổi số điển hình, các mô hình mẫu, ứng dụng mẫu chuyển đổi số phù hợp đặc trưng của từng ngành, lĩnh vực, địa phương | Bộ KH&CN; Bộ KH&ĐT; Bộ TT&TT | 2022 - 2030 | Cửa khẩu số tại Lạng Sơn, Quảng Ninh.  Cảng số tại Bà rịa Vũng tàu  Chợ 4.0 Viettel, VNPT  Mô hình Chuyển đổi số của EVN Hồ Chí Minh  ReTex Quảng Nam |
| 7 | Thúc đẩy các doanh nghiệp đầu ngành, doanh nghiệp hạt nhân đầu tư nghiên cứu, xây dựng các nền tảng số chuyên ngành, hỗ trợ chuyển giao cho các đối tác cùng ứng dụng, kết nối, chia sẻ, dẫn dắt chuyển đổi số chuỗi cung ứng; phối hợp đa ngành giữa doanh nghiệp đầu ngành, doanh nghiệp nền tảng, doanh nghiệp công nghệ tài chính để thiết lập nền tảng chuyển đổi số, kiến tạo hệ sinh thái mới | Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Thông tin và Truyền thông | 2022 - 2030 | a) Bộ Khoa học và công nghệ với nhiệm vụ thúc đẩy nghiên cứu, phát triển, ứng dụng các công nghệ số mới như AI, công nghệ bản sao số, chuỗi khối, thực tế ảo/thực tế tăng cường, dữ liệu lớn,…, kết hợp với công nghệ mở, mã nguồn mở để phát triển các nền tảng số quốc gia, nền tảng số ngành phục vụ chuyển đổi số, phát triển kinh tế số và xã hội số, Bộ KH&CN đang triển khai các chương trình KH&CN trọng điểm cấp quốc gia trong đó có ứng dụng các công nghệ số mới để tạo ra những nền tảng, sản phẩm, dịch vụ mang đặc thù Việt Nam, gồm:  - Chương trình KC.01 “Nghiên cứu công nghệ và phát triển sản phẩm công nghệ thông tin phục vụ Chính phủ điện tử” giai đoạn 2016-2020 đã có 26 nhiệm vụ được hình thành góp phần thực hiện nhiệm vụ của các bộ, ngành, địa phương theo chức năng đã được giao tại Nghị quyết 36a về CPĐT; các nhiệm vụ đã góp phần triển khai đồng bộ, hiệu quả các Nghị quyết, Chỉ thị của Bộ Chính trị, các Chương trình, Kế hoạch của Chính phủ, các Nghị quyết của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh phát triển và ứng dụng CNTT phát triển kinh tế số, xã hội số. Chương trình được tiếp tục triển khai giai đoạn 2021 – 2030 với  - Chương trình “Hỗ trợ nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ của công nghiệp 4.0”, mã số KC-4.0/19-25 đã được phê duyệt tại Quyết định số 2813/QĐ-BKHCN ngày 27/9/2018 của Bộ trưởng Bộ KH&CN; Chương trình có 51 nhiệm vụ được hình thành góp phần thúc đẩy nghiên cứu ứng dụng, phát triển và chuyển giao một số công nghệ chủ chốt của công nghiệp 4.0 mà Việt Nam có lợi thế để tạo ra các sản phẩm trong sản xuất - kinh doanh và dịch vụ như: y tế, du lịch, tài chính - ngân hàng, nông nghiệp, công nghiệp chế biến và chế tạo, giáo dục - đào tạo và dạy nghề, giao thông, xây dựng, thông tin - truyền thông, tài nguyên - môi trường, quốc phòng, an ninh.  Ngoài ra, Bộ KHCN đang triển khai xây dựng khung các Chương trình “Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ cơ khí và tự động hóa”, mã số KC 03/21-30; Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao .  Để tăng cường hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài trong việc thu hút nguồn lực, tri thức, chuyển giao công nghệ số vào Việt Nam, Bộ KH&CN đã đẩy mạnh hoạt động hợp tác giữa các tổ chức nghiên cứu công nghệ trong nước với các đối tác nước ngoài nhằm tăng cường thu hút nguồn lực KH&CN từ nước ngoài vào Việt Nam thông qua các chương trình, dự án hợp tác KH&CN.  b) Ngày 07 tháng 01 năm 2021, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ký Quyết định số 12/QĐ-BKHĐT ban hành Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số giai đoạn 2021-2025. Trong quá trình triển khai Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số giai đoạn 2021-2025 nêu trên, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Cục Phát triển doanh nghiệp) đã lồng ghép các hoạt động để thực hiện nhiệm vụ tại mục VI.4.e Quyết định 411/QĐ-TTg, cụ thể:  - Cổng thông tin hỗ trợ doanh nghiêp chuyển đổi số đã được xây dựng tại địa chỉ http://digital.business.gov.vn, là một bộ phận của Cổng thông tin Quốc gia về hỗ trợ doanh nghiệp. Công cụ đánh giá mức độ sẵn sàng chuyển đổi số, các tài liệu hướng dẫn, các hoạt động hỗ trợ của Chương trình đã được số hóa, phổ biến rộng rãi để tất cả các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, các tổ chức, cá nhân trên phạm vi cả nước đều có thể tiếp cận, sử dụng.  - Đã phối hợp các địa phương, hiệp hội tổ chức 32 hoạt động nâng cao nhận thức, đào tạo trực tiếp cho doanh nghiệp tại 16 tỉnh, thành phố.  - Mạng lưới với 100 tổ chức, cá nhân cung cấp giải pháp, tư vấn, đào tạo CĐS cho doanh nghiệp đã được rà soát, phân loại và chuẩn hóa để có thể cung cấp những thông tin cần thiết cho doanh nghiệp khi quyết định lựa chọn.  Đặc biệt, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Cục Phát triển doanh nghiệp) đã tuyển chọn những doanh nghiệp tiêu biểu trong một số ngành, lĩnh vực như sản xuất, chế biến, chế tạo, nông nghiệp, ... và cử các chuyên gia đến tư vấn, hỗ trợ xây dựng lộ trình chuyển đổi số và các kế hoạch cụ thể trong 3 tới 5 năm để phát triển và ứng dụng công nghệ vào trong doanh nghiệp một cách phù hợp với điều kiện và tầm nhìn của Doanh nghiệp. Tiêu biểu trong số này phải kể đến các doanh nghiệp như Công ty TNHH Thắng Lợi (Vico), Công ty cổ phần Xuân Hòa Việt Nam, Công ty Tomeco An Khang, Trang trại Langbiang Fram, Công ty hóa chất Sơn MT. |
| **V** | **Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về kinh tế số và xã hội số** | | |  |
| 1 | Tổ chức các diễn đàn, hội nghị, hội thảo, các sự kiện, triển lãm trong nước và quốc tế về phát triển kinh tế số, xã hội số Việt Nam và kết quả thực hiện các nội dung của Chiến lược; lồng ghép nội dung về kinh tế số, xã hội số trong các sự kiện, triển lãm kinh tế - xã hội trong nước và nước ngoài | Bộ TT&TT; các bộ, ngành, địa phương | 2022 - 2030 | Diễn đàn công nghệ số; tháng/tuần lễ/ngày chuyển đổi số quốc gia 10/10. |
| 2 | Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, tập huấn về các nền tảng số quốc gia, các mô hình kinh tế số, xã hội số điển hình trên hệ thống truyền thông từ trung ương đến cơ sở. Phát triển các kênh tư vấn, hỏi đáp, trợ lý ảo về kinh tế số, xã hội số, hỗ trợ người dân nâng cao kỹ năng số, sử dụng nền tảng số, dịch vụ số và công nghệ số | Bộ Thông tin và Truyền thông; các bộ, ngành, địa phương | 2022 - 2030 | \* NHNN thực hiện Chương trình truyền thông, giáo dục tài chính nhằm nâng cao kiến thức, kỹ năng cho người dân trong sử dụng các sản phầm, dịch vụ tài chính - ngân hàng trên nền tảng số  NHNN thường xuyên tổ chức các Hội nghị thông tin chuyên đề, Hội nghị Ban Chấp hành mở rộng về CMCN 4.0, chuyển đổi số trong hoạt động ngân hàng đến các cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan. Bên cạnh đó, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, Chính phủ liên quan đến cuộc CMCN 4.0 và các chỉ đạo, điều hành, sự kiện quan trọng của NHNN về việc xây dựng cơ chế chính sách, quản lý thúc đẩy chuyển đổi số ngành Ngân hàng, phát triển hạ tầng thanh toán số đáp ứng yêu cầu CMCN 4.0 cũng được đăng tải, thông tin kịp thời trên Cổng Thông tin điện tử NHNN. Ngoài ra, NHNN tiếp tục tăng cường triển khai các chương trình phổ biến kiến thức ngân hàng - tài chính cho cộng đồng13. Trong năm 2022, NHNN đã tổ chức được 02 khóa bồi dưỡng chuyển đổi số ngành Ngân hàng dành cho lãnh đạo cấp Vụ và toàn bộ giám đốc chi nhánh, số lượng 100 người. Trong công tác thông tin, truyền thông của ngành Ngân hàng, thông qua các phương tiện thông tin truyền thông trong và ngoài ngành tăng cường công tác truyền thông về các chủ trương, chính sách của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, NHNN về sự chủ động tham gia CMCN 4.0, về chuyển đổi số quốc gia nói chung và kết quả chuyển đổi số ngành Ngân hàng nói riêng. Thực hiện tuyên truyền về Ngày Chuyển đổi số quốc gia 10/10, Cổng Thông tin điện tử (TTĐT) NHNN đã mở và duy trì chuyên mục chuyển đổi số quốc gia/ngành Ngân hàng với các nội dung thông tin về chuyển đổi số; treo logo hưởng ứng trong thời gian từ ngày 01- 10/10/2022; đăng tải các tin, bài tiêu biểu thông tin về chuyển đổi số quốc gia/ ngành Ngân hàng. Duy trì, thường xuyên cập nhật tin bài trên chuyên mục Fintech trên Cổng thông tin điện tử NHNN (https://sbv.gov.vn) đăng tải thông tin về Fintech và các nghiên cứu liên quan;Phối hợp sản xuất các chương trình giáo dục tài chính trong đó có các nội dung về chuyển đổi số ngành Ngân hàng, các kỹ năng đảm bảo an ninh, an toàn thông tin và tài khoản khách hàng khi giao dịch trên nền tảng số như: Tay hòm chìa khóa (tối thứ Sáu trên VTV1); Đồng tiền thông thái (VTV1); Tiền khéo tiền khôn (Cuộc thi trên truyền hình (VTV3); thực hiện các phóng sự trên VTV về chuyển đổi số ngành ngân hàng.  \* Bộ Quốc phòng tổ chức Hội nghị tập huấn ngành công nghệ thông tin và chuyển đổi số năm 2022 cho 188 cán bộ là chỉ huy; tiếp đó, 13 đơn vị trực thuộc đã tổ chức tập huấn nhân rộng tại đơn vị; Hội nghị thông tin khoa học quân sự khu vực phía Nam; Hội thảo khoa học ‘Tiềm năng ứng dụng công nghệ blockchain tring lĩnh vực quân sự, quốc phòng’; Hội thi Thư viện số dùng chung trong Bộ Quốc phòng.  \* Sở VHTTDL Gia Lai tổ chức lớp Bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý nhà nước về du lịch 4.0 |
| 3 | Sản xuất các tin, bài, phóng sự, câu chuyện, phim tài liệu về kinh tế số, xã hội số trên phát thanh, truyền hình; tìm kiếm, phổ biến kinh nghiệm, câu chuyện thành công về phát triển kinh tế số và xã hội số; mở các chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền về kinh tế số và xã hội số trên các kênh có đông khán thính giả | Bộ TT&TT; bộ, ngành, địa phương; Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam; các cơ quan thông tấn, báo chí | 2022 - 2030 | Xây dựng các chuyên trang nhằm tuyên truyền, nâng cao nhận thức về phát triển kinh tế số, xã hội số, nền tảng số:   * Cổng dx.gov.vn * Website T63 digital Stories * C63.mic.gov.vn * Bài toán chuyển đổi số * Trang SMEdx |
| 4 | Tổ chức các chiến dịch truyền thông, các cuộc thi, trò chơi truyền hình về kinh tế số, xã hội số. Tổ chức các cuộc thi tìm kiếm mô hình kinh doanh số, kinh tế số tiêu biểu, các giải pháp dùng công nghệ số để giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội | Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam; các cơ quan thông tấn, báo chí | 2022 - 2030 | Tổ chức các cuộc thi:   * Cuộc thi Viet Solution * C63.mic.gov.vn * Các bài toán chuyển đổi số |
| 5 | Thiết lập cổng thông tin kinh tế số và xã hội số Việt Nam để cung cấp thông tin triển khai Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số. Xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin về phát triển kinh tế số, xã hội số quốc gia. Xây dựng diễn đàn kết nối chuyên gia, nhà khoa học với cá nhân, tổ chức nhằm gắn kết sức mạnh tri thức để thúc đẩy phát triển kinh tế số và xã hội số. | Bộ Thông tin và Truyền thông | 2022 - 2030 | Đang nghiên cứu xây dựng. |
| 6 | Tổ chức các cuộc thi để khuyến khích các bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đưa ra các bài toán thực tế cần giải quyết bằng công nghệ số, nền tảng số và các giải pháp số, nền tảng số giải quyết xuất sắc bài toán đặt ra | Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam; các cơ quan thông tấn, báo chí | 2022 - 2030 |  |
| **VI** | **Đo lường, giám sát triển khai** |  |  |  |
| 1 | Định kỳ cập nhật các chỉ tiêu kinh tế số, xã hội số phù hợp thực tế phát triển, đảm bảo hệ thống chỉ tiêu thống kê đo lường kinh tế số, xã hội số thống nhất, bao gồm các chỉ tiêu cấp quốc gia, cấp ngành và địa phương | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | 2022 - 2023 | - Chỉ tiêu “*Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong tổng sản phẩm trong nước*” là chỉ tiêu thống kê được quy định trong Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và phụ lục danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê năm 2021 (Luật số 01/2021/QH15 ngày 12/11/2021). Ngày 07/11/2022, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 94/2022/NĐ-CP quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Nghị định này có hiệu lực từ ngày 01/01/2023 thay thế Nghị định số 97/2016/NĐ-CP ban hành trước đó.  - Hệ thống chỉ tiêu thống kê kinh tế số được ban hành tại Thông tư số 13/2021/TT-BKHĐT ngày 31/12/2021: hệ thống chỉ tiêu quy định tại Thông tư này gồm có 50 chỉ tiêu, trong đó: Tổng cục Thống kê chủ trì thu thập 28 chỉ tiêu; Bộ Thông tin Truyền thông 15 chỉ tiêu; Bộ Giáo dục và Đào tạo 3 chỉ tiêu; Bộ Y tế 2 chỉ tiêu; Ngân hàng Nhà nước chỉ tiêu và Bộ Công thương 1 chỉ tiêu. Đối với các chỉ tiêu do Tổng cục Thống kê chủ trì thu thập số liệu, các đơn vị của Tổng cục Thống kê đang nghiên cứu để cài đặt vào các cuộc điều tra hàng năm: Điều tra Doanh nghiệp, Điều tra khảo sát mức sống dân cư... để thu thập tổng hợp số liệu theo quy định. |
| 2 | Hàng năm thực hiện điều tra, khảo sát, thu thập, công bố kết quả thống kê, đo lường các chỉ tiêu kinh tế số và các mục tiêu cơ bản về kinh tế số và xã hội số đặt ra tại Chiến lược này ở cấp độ quốc gia và cấp độ địa phương | Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ TT&TT; các bộ, ngành, địa phương | 2022 - 2030 | Để phục vụ tính chỉ tiêu “*Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong tổng sản phẩm trong nước*”, Tổng cục Thống kê đã cài đặt thông tin về kinh tế số vào cuộc Điều tra Doanh nghiệp năm 2022. Hiện tại, Tổng cục Thống kê đang triển khai tính toán thử nghiệm chỉ tiêu “Tỷ trọng kinh tế số trong GDP” dựa trên nguồn thông tin từ dữ liệu Điều tra Doanh nghiệp năm 2022. Tổng cục Thống kê dự kiến công bố chỉ tiêu này trong năm 2023. |
| 3 | Ban hành bộ tiêu chí đo lường về xã hội số và định kỳ hàng năm thực hiện điều tra, thu thập, công bố kết quả thống kê, đo lường về xã hội số ở cấp độ quốc gia và cấp độ địa phương | Bộ TT&TT; các bộ, ngành, địa phương | 2022 - 2030 | Đang nghiên cứu, xây dựng. |
| **VII** | **Bảo đảm kinh phí cho phát triển kinh tế số và xã hội số** | | |  |
| 1 | Huy động tối đa các nguồn kinh phí để thực hiện Chiến lược này bao gồm: ngân sách nhà nước; nguồn đầu tư của doanh nghiệp, khu vực tư nhân, cộng đồng và các nguồn kinh phí hợp pháp khác | Bộ Tài chính; Bộ KH&ĐT; các bộ, ngành, địa phương | 2022 - 2030 | Đối với dự toán 2022, Bộ tài chính đã phân bổ kinh phí cho khối các Bộ, các cơ quan Trung ương như sau:  + Kinh phí thực hiện Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030: 133.979 triệu đồng.  + Kinh phí thực hiện Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 về Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030: 203.012 triệu đồng.  + Kinh phí thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp theo Chỉ thị số 24/CT-TTg ngày 28/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh, phát 2 triển nhân lực có kỹ năng nghề, góp phần nâng cao năng suất lao động và tăng năng lực cạnh tranh quốc gia trong tình hình mới: 20.000 triệu đồng.  + Kinh phí thực hiện Quyết định số 206/QĐ-TTg ngày 11/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số ngành thư viện đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”: 1.000 triệu đồng.  + Kinh phí thực hiện Đề án cơ sở dữ liệu trợ giúp xã hội: 20.000 triệu đồng.  + Kinh phí thực hiện Đề án cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước: 32.200 triệu đồng  + Các nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số khác: 545.332 triệu đồng. |
| 2 | Ưu tiên kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ phát triển nền móng kinh tế số và xã hội số, phát triển kinh tế số và xã hội số ngành và lĩnh vực và các nhiệm vụ, giải pháp thuộc Chiến lược này do cơ quan nhà nước chủ trì thực hiện | Bộ Tài chính; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; các bộ, ngành, địa phương | 2022 - 2030 | a) Báo cáo 13911/BTC-THTK ngày 29/12/2022 của Bộ Tài chính chưa có thông tin về nhiệm vụ này. Theo báo cáo của Bộ Tài chính, năm 2022, Bộ Tài chính đã phân bổ khoảng 1000 tỉ VNĐ cho các cơ quan Trung ương để thực hiện CĐS.  b) Bộ Kế hoạch và Đầu tư  - Về nguồn vốn: Hiện nay, kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn NSNN giai đoạn 2021-2025 (bao gồm phần vốn còn lại chưa phân bổ) đã được Quốc hội phân bổ cụ thể và Thủ tướng Chính phủ đã giao cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương. Do đó, chưa xác định được nguồn vốn và khả năng cân đối vốn cho triển khai nhiệm vụ này.  - Về thẩm quyền phân bổ vốn đầu tư công trung hạn và hằng năm: Tại khoản 6 Điều 48 Luật Đầu tư công quy định một trong những nguyên tắc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm là “*thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư, tạo quyền chủ động cho Bộ, cơ quan trung ương và địa phương theo quy định của pháp luật nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư*”. Tại Điều 49, 50 Luật Đầu tư công quy định cụ thể nội dung báo cáo kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm. Tại Điều 55, 56 Luật Đầu tư công quy định trình tự lập, thẩm định kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm. Do đó thẩm quyền, xác định danh mục và mức vốn bố trí đầu tư công nguồn NSNN cho các chương trình, dự án là của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chỉ tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền. Tuy nhiên, đến nay Bộ Kế hoạch và Đầu tư chưa nhận được báo cáo của các bộ ngành địa phương về phát triển nền móng kinh tế số và xã hội số, phát triển kinh tế số và xã hội số ngành và lĩnh vực và các nhiệm vụ, giải pháp thuộc Chiến lược. |
| 3 | Nghiên cứu rà soát sửa đổi bổ sung mục lục ngân sách riêng về chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số trong Hệ thống mục lục ngân sách nhà nước | Bộ Tài chính | 2022 - 2025 | Báo cáo 13911/BTC-THTK ngày 29/12/2022 chưa có thông tin về nhiệm vụ này. |
| 4 | Ưu tiên phân bổ ngân sách từ nguồn chi thường xuyên để các cơ quan, tổ chức thuê, mua sử dụng các nền tảng số | Bộ Tài chính | 2022 - 2030 | Báo cáo 13911/BTC-THTK ngày 29/12/2022 chưa có thông tin về nhiệm vụ này. |
| 5 | Hướng dẫn, ưu tiên chi cho chuyển đổi số, Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, phấn đấu tỷ lệ chi cho chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số trong tổng chi ngân sách nhà nước cao hơn mức trung bình của thế giới | Bộ Tài chính; Bộ KH&ĐT; các bộ, ngành, địa phương | 2022 - 2030 | Báo cáo 13911/BTC-THTK ngày 29/12/2022 chưa có thông tin về nhiệm vụ này. Theo số liệu 2022 của Bộ Tài chính, tỉ lệ chi cho CNTT, CĐS của các cơ quan Trung ương mới vào khoảng 0,2%. Đây là mức chi rất thấp so với các quốc gia phát triển. |
| **VIII** | **Giảm thiểu các tác động tiêu cực của công nghệ số** | | |  |
| 1 | Đánh giá tác động của phát triển kinh tế số, xã hội số ở quy mô quốc gia và từng địa phương và đề xuất các giải pháp chủ động giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực của công nghệ số. Triển khai các giải pháp nhằm giảm thiểu bất bình đẳng, thu hẹp khoảng cách và giảm tác động tiêu cực của quá trình phát triển kinh tế số, xã hội số. | Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; các địa phương | 2022 - 2030 |  |
| 2 | Đánh giá các tác động của công nghệ số đến xã hội để có các giải pháp chủ động giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực của công nghệ số; phát triển các Trung tâm giải đáp thắc mắc chuyển đổi số, kinh tế số và xã hội số và hỗ trợ người dân bị ảnh hưởng, tác động tiêu cực bởi công nghệ số | Bộ LĐ-TB&XH; Bộ TT&TT; các địa phương | 2022 - 2030 |  |